



Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

 929 - 931, Quốc lộ 1A, phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

 (028) 3717 3201

 (028) 3727 3454

 www.imecovn.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP

MỤC LỤC

1

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển trong tương lai

Các yếu tố rủi ro

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

3

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

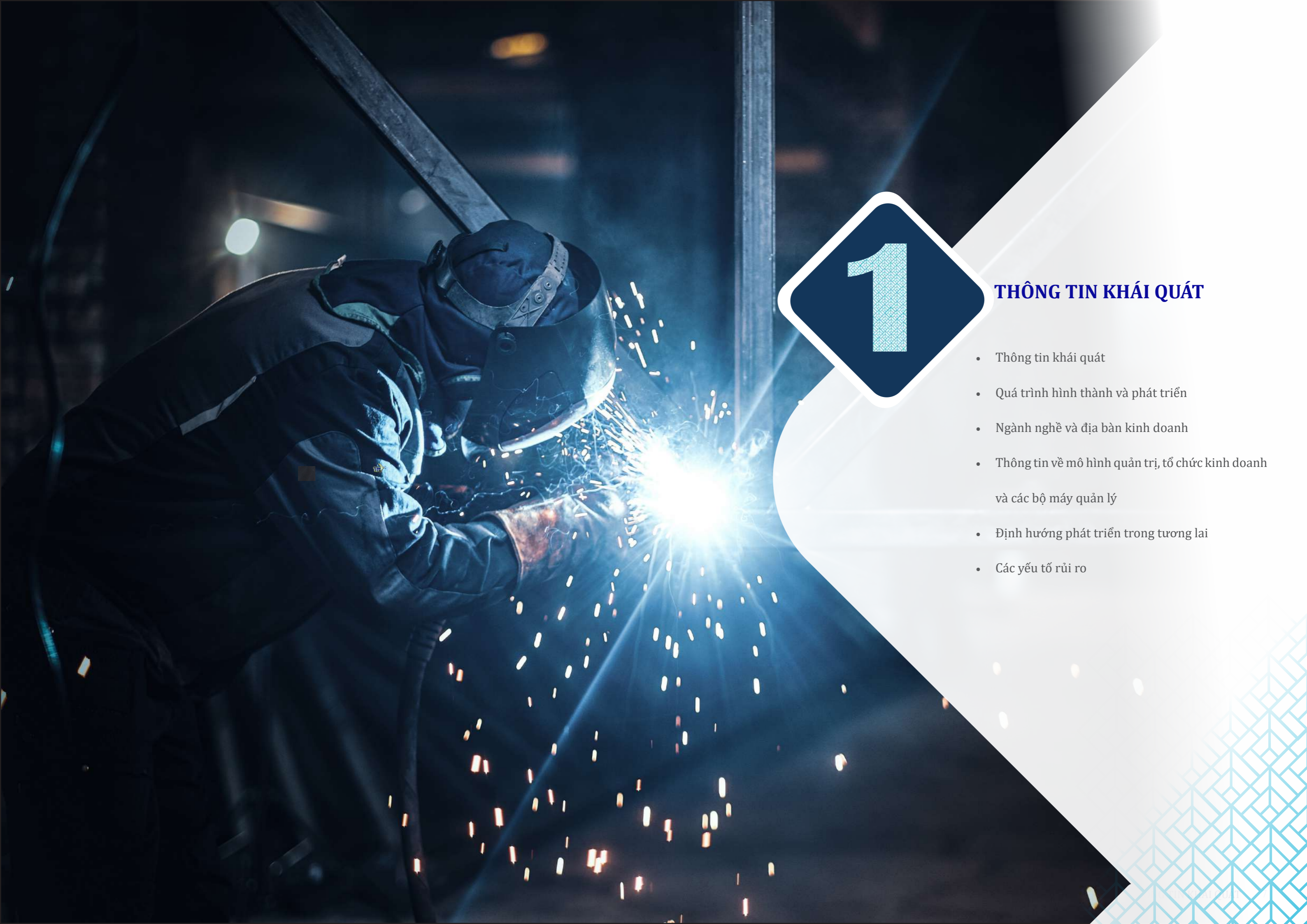
6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính được kiểm toán



1

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và các bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển trong tương lai
- Các yếu tố rủi ro



Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP
Tên viết tắt: IMECO JSC
Vốn điều lệ: 35.999.480.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 35.999.480.000 đồng
Mã cổ phiếu: IME
Trụ sở chính: 929 - 931, Quốc lộ 1A, phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3717 3201 -37
Fax: (028) 3727 3454 - 3717 3201
Website: www.imecovn.com.vn
**Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp:** 0300628797 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh
cấp lần đầu ngày 16/01/2006 và đăng ký thay đổi lần
thứ 6 ngày 30/11/2021 cấp

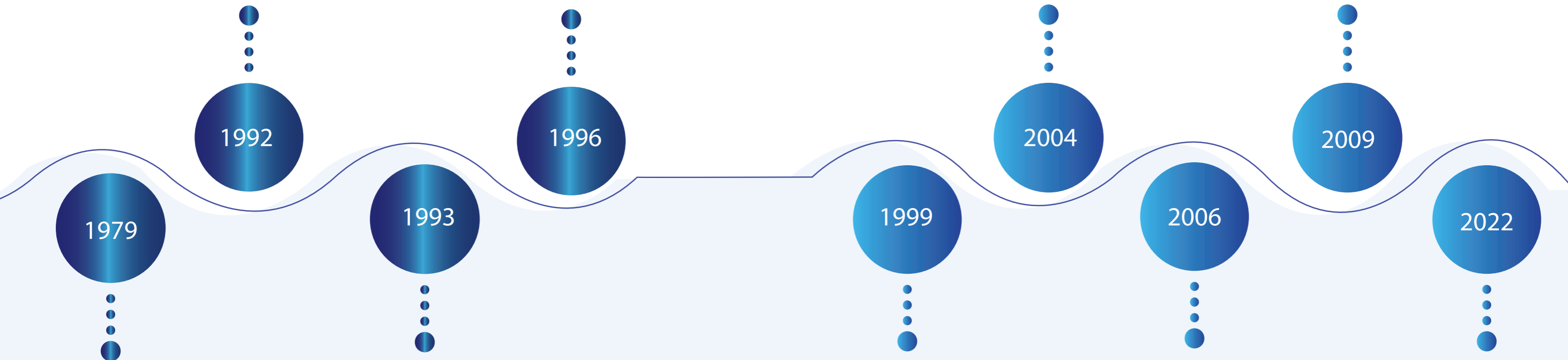
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Xí nghiệp Cơ điện Tân Bình được bộ chủ quản là Bộ Công nghiệp nhẹ đổi tên thành Nhà máy Cơ khí – Thực phẩm theo Quyết định số 522/CNNTCLĐ ngày 02/07/1992 của Bộ Công nghiệp nhẹ.

Theo quyết định số 1409/QĐ –TCCB của Bộ Công nghiệp, Nhà máy Cơ khí thực phẩm được đổi thành Công ty Cơ khí Thực phẩm.

Ngày 05/05/2004, theo Quyết định số 32/2004/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp là thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO) chính thức đưa cổ phiếu Công ty giao dịch tập trung tại hệ thống giao dịch UPCOM và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 01/12/2009, với mã cổ phiếu: IME. Tổng giá trị đăng ký giao dịch lần đầu là 30 tỷ đồng.



Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, viết tắt là IMECO, được thành lập ngày 20/08/1979 là tiền thân của Xí nghiệp Cơ điện Tân Bình – thành viên của Liên hiệp Bột ngọt Miền liền, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Công Nghiệp Thực phẩm.

Ngày 07/05/1993, Nhà máy Cơ khí Thực phẩm được thành lập theo quyết định số 448/CNN-TCLĐ của Bộ Công nghiệp nhẹ.

Ngày 12/08/1999, theo Quyết định số 52/1999/ QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp Công ty Cơ khí Thực phẩm đổi thành Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp trực thuộc Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 3285/QĐTCCB ngày 22/07/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4103004265 ngày 16/01/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận sửa đổi bổ sung kèm theo.

Trải qua hơn 43 năm hoạt động, Công ty không ngừng phấn đấu nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu hoạt động hàng năm được ĐHĐCĐ giao phó cũng như đảm bảo được nghĩa vụ đóng góp vào Ngân sách Nhà nước.

CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU

2000 » IMECO đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước

2003 » IMECO nhận Huy chương vàng và Cúp chất lượng cho nồi hơi và thiết bị áp lực tại Hội chợ NEEM

2004 » IMECO được cấp chứng chỉ Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2000 bởi Tổ chức Det Norske Veritas

2008 » IMECO đón nhận Chứng chỉ An toàn của Promecon – Đan Mạch

2009 » IMECO được cấp Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng toàn diện QC100 TQM của tổ chức BID tại Geneva, Thụy Sĩ và đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì

2010 » IMECO được cấp chứng chỉ ISO 9001:2008 bởi Det Norske Veritas

2013 » IMECO được cấp chứng chỉ ISO 9001:2015

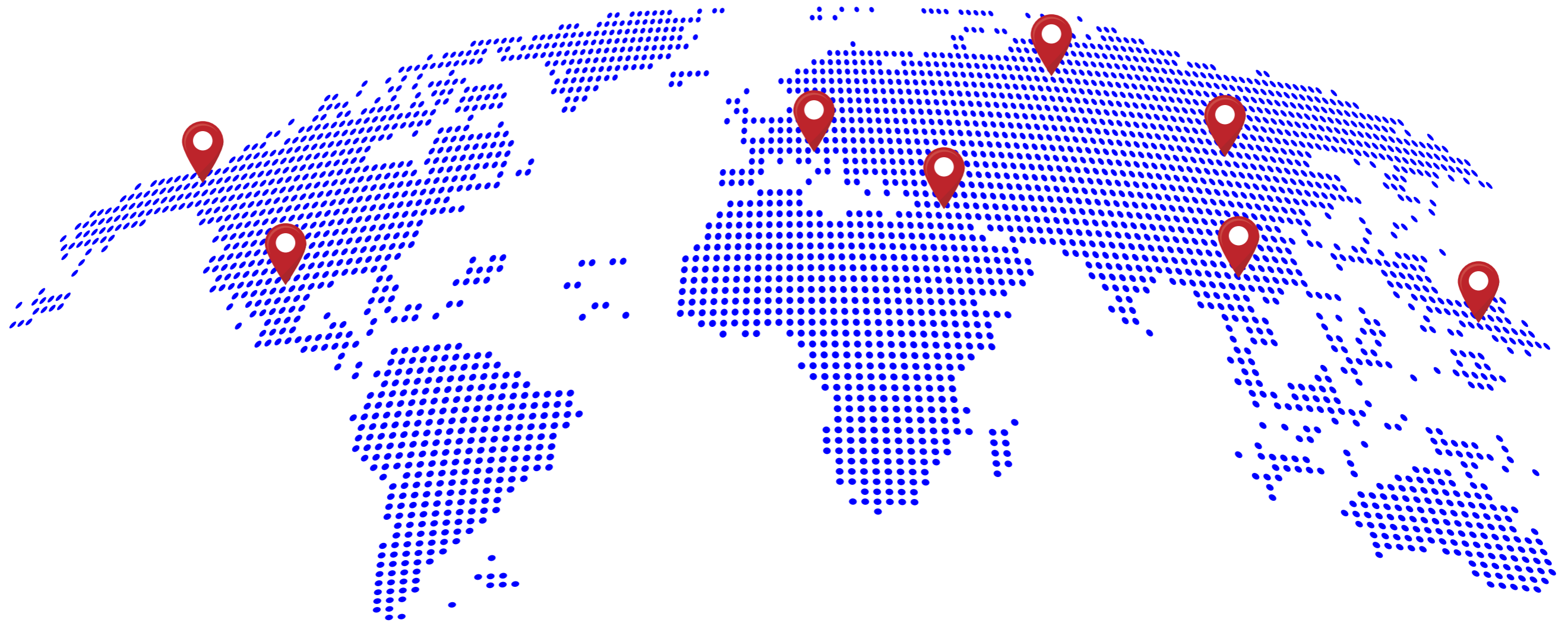
2014 » IMECO đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất

2015 » IMECO được cấp chứng chỉ về quản lý Sản Xuất Kết cấu thép EN 1090-2 bởi TUV Rheinland – Đức

2018 » IMECO được cấp chứng chỉ ISO 3834, EN 1090 – 1:2009 + A1:2011.

2021 » IMECO được cấp chứng chỉ CWB W47 hệ thống kiểm soát sản xuất theo tiêu chuẩn Canada

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



Ngành nghề kinh doanh

- Chế tạo các sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ;
- Lắp đặt máy móc, thiết bị điện, nước và hoàn thiện công trình;
- Lắp đặt các thiết bị hạ thế và trung thế đến 22Kv;
- Chế tạo và lắp dựng kết cấu thép, sản xuất tấm lợp – xà gồ thép và khung nhà tiền chế (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện);
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, tạo bãi;
- Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp bao gồm: công trình giao thông, công trình cấp thoát nước;
- Xử lý nước thải;
- Kinh doanh bất động sản.





Trong đó, chế tạo các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp là hoạt động sản xuất kinh doanh chủ lực của Công ty

Địa bàn kinh doanh

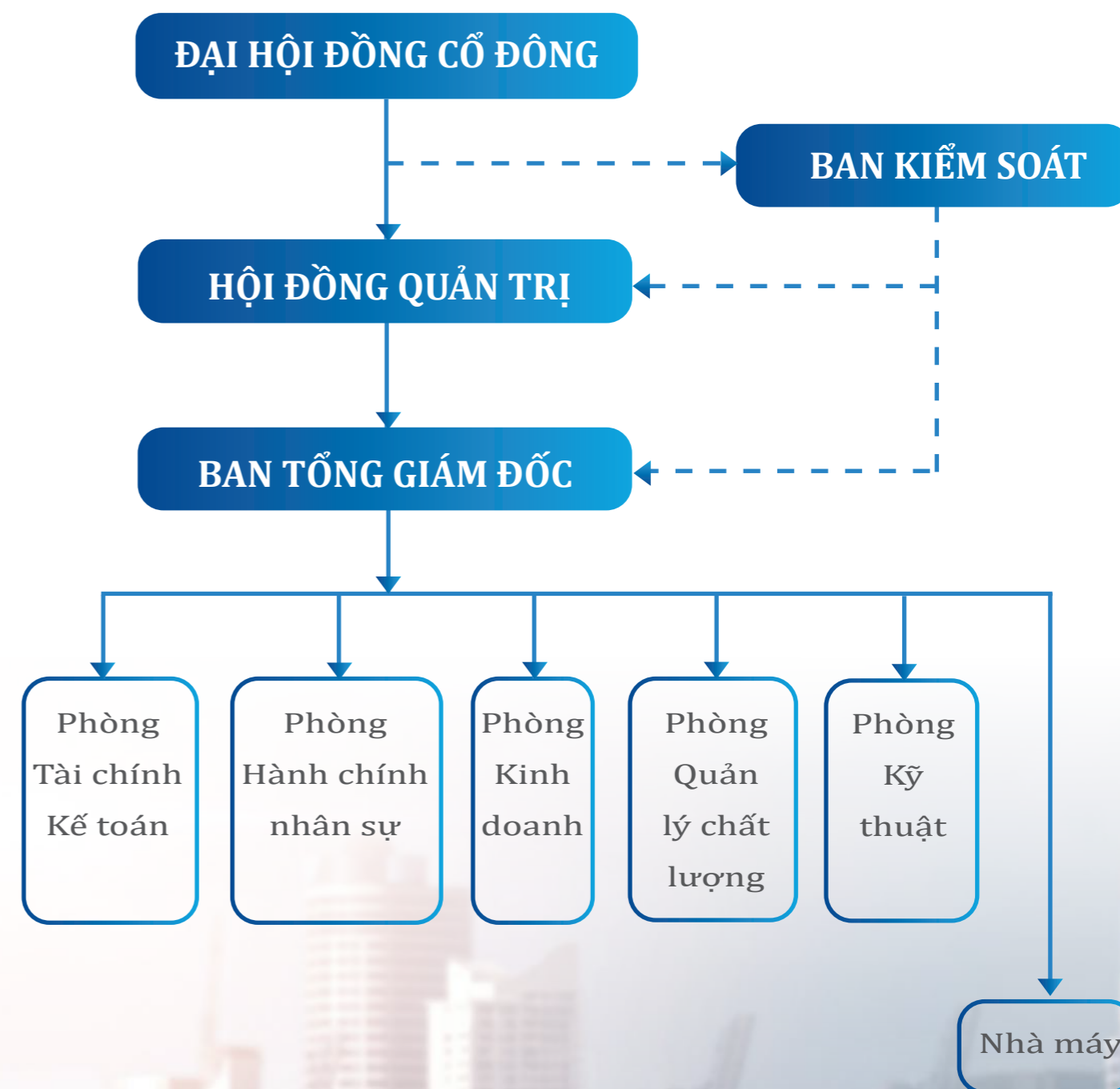
Hợp tác với nhiều doanh nghiệp ở nhiều quốc gia trên thế giới, bao gồm Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Nga, Trung Quốc, Châu Âu và Trung Đông, thương hiệu IMECO có vị trí nhất định trong lĩnh vực cơ khí của thế giới. Bên cạnh đó, Công ty còn định hướng phát triển mở rộng vào thị trường nội địa, nhất là khu vực phía nam và trở thành thị trường chủ lực của Công ty trong tương lai.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

-  Đại hội đồng cổ đông: Gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất trong Công ty, có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, có quyền quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ của Công ty.
-  Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
-  Ban Tổng Giám đốc: Giữ vai trò duy trì, phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp ở tất cả các bộ phận, chi nhánh làm với mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng đi lên, vững mạnh và đạt được vị trí cao trên thị trường.
-  Ban kiểm soát: Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm.

Mô hình quản trị








Mô hình quản trị

Công ty hiện không có công ty con, công ty liên kết.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

-  Nỗ lực nâng cao số lượng và chất lượng sản phẩm; tiếp tục tìm kiếm thêm đơn hàng cả trong và ngoài nước, đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động.
-  Xây dựng các chính sách phù hợp đối với các đối tác để có thể duy trì mối quan hệ tốt, tăng sự uy tín và tín nhiệm trong lòng đối tác và khách hàng, tìm được chỗ đứng vững chắc trên thị trường sản xuất cơ khí;
-  Tìm kiếm và đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.
-  Đẩy mạnh công tác ứng dụng khoa học, công nghệ trong công tác quản lý lẫn sản xuất để tạo ra những sản phẩm tối ưu, đảm bảo sản phẩm đạt tiêu chuẩn cả về mỹ thuật lẫn kỹ thuật;
-  Triển khai thực hiện và bám sát kế hoạch và định hướng phát triển mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua và Ban lãnh đạo chỉ đạo phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế, quy mô hoạt động của Công ty.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu phát triển bền vững

Ngoài việc tìm kiếm lợi nhuận, Công ty luôn hiểu rõ trách nhiệm của mình đối với cộng đồng, xã hội và môi trường. Do đó, Công ty luôn chú trọng vào giá trị môi trường - xã hội, đồng thời đóng góp tài chính và tinh thần để củng cố sự vững mạnh của xã hội. Các mục tiêu phát triển bền vững được cụ thể hóa như sau

- » Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật Việt Nam có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, vệ sinh môi trường và an ninh xã hội.
- » Công ty cố gắng giảm thiểu tối đa các ảnh hưởng nguy hại cho môi trường phát sinh trong quá trình sản xuất. Công ty xây dựng các biện pháp nhằm hạn chế phát sinh chất thải nguy hại, kiểm soát việc sử dụng các nguồn nhiên liệu và năng lượng đầu vào nhằm đảm bảo các nguồn lực này được sử dụng tiết kiệm và hiệu quả.
- » Công ty tham gia các hoạt động cộng đồng như hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn hoạt động và đóng góp tài chính vào Quỹ vì người nghèo, Quỹ ủng hộ thiên tai bão lụt miền Trung.
- » Công ty tập trung hơn nữa vào công tác đảm bảo an toàn lao động cho nhân viên, đồng thời thực hiện nghiêm túc các quy định của nhà nước về chế độ lương thưởng đối với CBCNV trong Công ty.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- » Hoàn thiện hơn nữa bộ máy quản lý và hệ thống Quản trị Doanh nghiệp; đẩy mạnh công tác thi đua giúp đỡ lẫn nhau trong nội bộ. Khuyến khích tinh thần sáng tạo, cải tiến liên tục;
- » Đầu tư thêm máy móc, thiết bị công nghệ hiện đại đồng thời cải tiến trang thiết bị hiện tại để tạo ra sản phẩm tối ưu với khả năng cạnh tranh tốt cả về giá và chất lượng.
- » Triển khai phân tích thị trường mới, đặc biệt là thị trường Việt Nam để khai thác triệt để các cơ hội kinh doanh và mở rộng thêm thị trường



CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Trong năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid – 19 đã không còn là rào cản đối với các hoạt động kinh tế - xã hội. Mặc dù vậy, bối cảnh kinh tế của thế giới phải đối mặt với những thách thức và khó khăn mới, nổi bật là lạm phát và sự lo ngại về suy thoái kinh tế. Thêm vào đó, chính sách thắt chặt tiền tệ của các Ngân hàng Trung ương trên thế giới, xung đột Nga – Ukrainetiếp diễn căng thẳng, chính sách “Zero Covid” ở Trung Quốc.Những điều trên này dẫn đến vòng quay nền kinh tế giảm chậm lại trong giai đoạn sắp tới. Theo báo cáo tháng 10 của Quỹ Tiền tệ Quốc tế thì dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ giảm từ 6,0% năm 2021 xuống còn 3,2% vào năm 2022 và 2,7% năm 2023. Đối với Việt Nam, GDP Việt Nam đạt mức tăng trưởng 8,02%, cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Tuy nhiên, rủi ro đối với triển vọng kinh tế của Việt Namngày càng tăng.

Đối với IMECO là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế tạo máy móc cơ khí công nghiệp. Doanh thu của Công ty đến từ việc chế tạo và gia công các đơn đặt hàng cho khách hàng, nên khi nền kinh tế giảm tốc, các doanh nghiệp thu hẹp hoạt động đầu tư trang thiết bị sản xuất thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến số lượng đơn hàng của IMECO. Để đối mặt với những thách thức và khó khăn trước mắt, Công ty luôn theo dõi sát sao tình hình kinh tế và thị trường, qua đó lên kế hoạch cụ thể để giảm thiểu rủi ro, tìm kiếm cơ hội mới để giúp Công ty phát triển hơn.

Rủi ro lãi suất

Tính đến tháng 12/2022, lãi suất huy động kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng đa số dao động ở mức từ 6,1% - 8,3%/năm. Điều này gây khó khăn trong việc vay vốn cũng như gây áp lực lên chi phí tài chính của các cá nhân và doanh nghiệp đi vay. Trong đó, có IMECO JSC.

Toàn bộ các khoản vay vốn của Công ty đều là các khoản vay ngắn hạn, nhằm bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Để hạn chế, quản lý, kiểm soát tốt rủi ro này, Ban lãnh đạo luôn duy trì mức độ hợp lý ở các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro pháp luật

Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán, Luật Thuế và các văn bản pháp luật khác liên quan khác đều ảnh hưởng trực tiếp đến IMECO JSC - một công ty cổ phần được đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch UpCom. Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất máy móc, thiết bị cơ khí công nghiệp nên Công ty phải tuân thủ Luật liên quan đến bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật khác. Doanh thu của IMECO chủ yếu đến từ hoạt động xuất khẩu, vì vậy, công ty phải nắm rõ và tuân thủ các quy định quốc tế liên quan.

Tuy nhiên, các quy định pháp luật thường xuyên được điều chỉnh và thay đổi để phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế như ngày nay, và điều này có thể ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh của công ty. Do đó, IMECO chủ động theo dõi và cập nhật các chính sách, chủ trương mới của nhà nước, pháp luật và các thông lệ quốc tế để đưa ra kế hoạch phù hợp với quy mô sản xuất của mình.



Rủi ro giá nguyên vật liệu

Nguyên liệu chính để gia công máy móc trong hoạt động lĩnh vực chế tạo máy móc công nghiệp, bao gồm: sắt, thép, Inox, dây hàn, thuốc hàn và các trang thiết bị như máy hàn, máy ép thủy lực, máy cắt Plasma, máy chần, ...

Năm 2022,sau thời gian tăng giá liên tục, các mặt hàng kim loại trên thị trường thế giới đã có sự điều chỉnh về giá cả. Tuy nhiên, giá vẫn duy trì ở mức cao. Lý giải cho việc điều chỉnh này đến từ việc giá nguyên vật liệu đầu vào ngành thép giảm; thị trường bất động sản khủng hoảng. Đặc biệt là thị trường bất động sản Trung Quốc – lĩnh vực tiêu thụ hơn 1/3 nguồn cung sắt thép của nước này. Chính sách “Zero Covid” của Trung Quốc làm suy giảm nguồn cầu trên thị trường

do việc đóng cửa và giãn cách xã hội ở một số thành phố lớn. Giá sắt, thép giảm nhiệt đã trực tiếp giúp công ty giảm bớt áp lực từ chi phí nguyên vật liệu vốn đang nóng trong thời gian qua.Tuy nhiên, mức giá kim loại vẫn neo ở mức cao, Công ty luôn chủ động đưa ra các chính sách phù hợp và cần thiết để giảm thiểu chi phí. IMECO JSC thường xuyên cập nhật, theo dõi tình hình để đưa ra chính sách mua hàng một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, công ty luôn sáng tạo nhằm đề ra những kế hoạch kinh doanh phù hợp với nguồn vốn hiện có của Công ty, để giảm thiểu chi phí, tối đa hóa lợi nhuận.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Rủi ro tỷ giá

Khách hàng chủ yếu của Công ty đến từ xuất khẩu và chủ yếu sử dụng bằng đồng ngoại tệ, nên biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu và lợi nhuận của IMECO. Năm 2022, áp lực lên tỷ giá USD/VND tăng cao do sức mạnh đồng bạc xanh tăng mạnh, điều này diễn ra vì các chính sách thắt chặt tiền tệ và nâng lãi suất của FED. Trong năm, tỷ giá USD/VND có lúc đã đạt mốc 24.870 trước khi điều chỉnh giảm. Rủi ro về biến động tỷ giá là rủi ro mà Công ty sẽ phải đối mặt khi có các giao dịch nhập khẩu nguyên liệu đầu vào và xuất khẩu thành phẩm ra

nước ngoài.

Để giảm thiểu với rủi ro này, Công ty luôn theo dõi những biến động tỷ giá trên thị trường, đưa ra những biện pháp phòng ngừa kịp thời. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng các hợp đồng phái sinh như hợp đồng kỳ hạn, giảm thiểu tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro bất khả kháng

Trong suốt quá trình hoạt động, IMECO còn có thể phải đối mặt với các rủi ro khác như hỏa hoạn, thiên tai, v.v... Khi những rủi ro này xảy ra, hàng hóa, tài sản và nhân viên của Công ty sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng, từ đó kéo theo hoạt động sản xuất của Công ty cũng bị đình trệ. Để hạn chế tối thiểu thiệt hại IMECO đã có những công tác nhằm phòng ngừa rủi ro như: thường xuyên theo dõi, kiểm tra, bảo trì máy móc thiết bị, trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động, thực hiện các hợp đồng bảo hiểm,...

Rủi ro nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, tay nghề và kỹ thuật là yếu tố quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng sản phẩm với hiệu quả tối ưu nhất. Mặt khác, yêu cầu sản phẩm của thị trường ngày nay khắt khe hơn, đòi hỏi nhân công phải có tay nghề cao. Tuy nhiên, các doanh nghiệp lớn đang thu hút lao động có chuyên môn với mức lương hấp dẫn, gây khó khăn trong việc tuyển dụng và giữ chân người lao động của các doanh nghiệp như IMECO.

Để hạn chế rủi ro này, IMECO đang cải thiện chính sách lương thưởng để hợp lý hơn, xây dựng môi trường làm việc hấp dẫn và tạo nhiều cơ hội phát triển cho nhân viên. Điều này giúp tạo sự gắn bó giữa nhân viên và công ty và giúp giữ chân được nguồn nhân lực tốt, giảm thiểu thời gian đào tạo lao động mới và tăng cường đội ngũ nhân viên có tay nghề cao.





2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Năm 2022/ Năm 2021
Tổng doanh thu	66.648	182.684	274,10%
- Xuất khẩu	65.186	179.940	276,04%
- Nội địa	110	98	89,60%
- Hoạt động tài chính	668	1.152	172,53%
Doanh thu khác	684	1.494	218,27%
Tổng chi phí	66.040	179.621	271,98%
Lợi nhuận trước thuế	609	3.063	503,12%
Lợi nhuận sau thuế	609	3.063	503,12%

Đầu năm 2022, nền kinh tế hồi phục sau 02 năm trải qua dịch bệnh, thị trường xuất nhập khẩu có nhiều chuyển biến tốt, tình hình các đơn hàng sản xuất dồi dào. Tính đến Quý I/2022, Công ty đã có đủ khối lượng công việc cho cả năm đảm bảo thu nhập cho người lao động. Tính đến cả năm 2022, tổng doanh thu của Công ty đạt hơn 182,68 tỷ đồng,

tương đương tăng 176,04% so với năm trước. Từ đó làm cho chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng, dẫn đến tổng chi phí tăng 171,98% so với năm 2021, tương đương đạt 179,61 tỷ đồng. Lợi nhuận trước và sau thuế tăng gấp 4 lần, ghi nhận đạt 3,06 tỷ đồng vào năm 2022.

Cơ cấu doanh thu

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Xuất khẩu	65.186	97,80%	179.940	98,50%
Nội địa	110	0,17%	98	0,05%
Hoạt động tài chính	668	1,00%	1.152	0,63%
Doanh thu khác	684	1,03%	1.494	0,82%
Tổng doanh thu	66.645	100%	182.684	100%

Từ cuối năm 2021 đến đầu năm 2022, tình hình xuất nhập khẩu có nhiều khả quan khi nhiều nước đã mở cửa giao thương trở lại. Đây là cơ hội cho IMECO có được nhiều đơn hàng, đáp ứng công việc của người lao động và đảm bảo thu nhập ổn định. Công ty chủ yếu tập trung vào thị trường

xuất khẩu, do đó doanh thu từ xuất khẩu của Công ty luôn chiếm trên 95% tổng doanh thu. Chi tiết, doanh thu từ xuất khẩu, nội địa, hoạt động tài chính và doanh thu khác năm 2022 lần lượt là 179,94 tỷ đồng, 98 triệu đồng, 1,15 tỷ đồng và 1,49 tỷ đồng, chiếm lần lượt là 98,50%, 0,05%, 0,63% và 0,82% tổng doanh thu.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2021	KH 2022	TH 2022	% TH 2022/ 2021	% TH 2022/ KH 2022
Doanh thu thuần	65.296	141.907	180.039	275,73%	126,87%
Lợi nhuận từ HĐKD	-76	5.002	1.578	-	31,55%
Lợi nhuận khác	684	-	1.485	216,94%	-
Lợi nhuận trước thuế	609	5.002	3.063	503,12%	61,24%
Lợi nhuận sau thuế	609	5.002	3.063	503,12%	61,24%

Hai năm Dịch Covid 19 hoành hành, đã để lại không ít hậu quả cho nền kinh tế nói chung và IMECO nói riêng. Tuy nhiên năm 2022, là năm nền kinh tế được khôi phục mạnh mẽ, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng trưởng với tốc độ tăng 8,10% so với năm trước. Hưởng ứng cùng với nhịp tăng trưởng của thị trường, Ban lãnh đạo chỉ đạo, điều hành các công tác chuẩn bị, tăng cường nhân sự, đảm bảo nguồn nhân lực và năng lực sản xuất của Công ty, hoàn thành các đơn hàng của khách hàng đúng hạn. Từ đó, mang đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, tạo uy tín cho Khách hàng và

giữ gìn mối quan hệ hợp tác lâu dài. Nhìn chung, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty tuy chưa hoàn thành một số chỉ tiêu nhưng có nhiều điểm đáng khích lệ, cụ thể:

- Doanh thu thuần ghi nhận 180,04 tỷ đồng, tăng 175,73% so với cùng kỳ năm trước, vượt 26,87% kế hoạch;
- Lợi nhuận từ HĐKD ghi nhận 1,58 tỷ đồng, đạt 31,55% kế hoạch;
- Lợi nhuận trước thuế ghi nhận 3,06 tỷ đồng, tăng 4 lần so với cùng kỳ, đạt 61,24% kế hoạch.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
I Hội đồng quản trị				
1	Vũ Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	-	-
2	Đỗ Hùng Anh	Thành viên HĐQT	-	-
3	Bùi Quang Hải	Thành viên HĐQT	-	-
4	Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 184.200 CP	5,12%
5	Phạm Sơn Hà	Thành viên HĐQT	Đại diện : 963.000 CP	26%
II Ban Tổng Giám đốc				
1	Đỗ Hùng Anh	Tổng giám đốc	-	-
2	Nguyễn Thị Loan	Phó tổng giám đốc	-	-
3	Nguyễn Thị Long Châu	Kế toán trưởng	-	-
III Ban kiểm soát				
1	Nguyễn Văn Sơn	Trưởng BKS	-	-
2	Đình Văn Hanh	Thành viên BKS	Cá nhân: 504 CP	0,014%
3	Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên BKS	-	-

Lý lịch Hội đồng quản trị



o Bà Vũ Thanh Phương – Chủ tịch HĐQT

- Năm sinh: 1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Quản trị Kinh doanh – Kinh tế đối ngoại
- Quá trình công tác:
 - 2002 – 2006: Nhân viên – Hãng Hàng không quốc gia Việt Nam
 - 2006 – 2008: Giám đốc – Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Phương Đông
 - 2008- 2021: Phó Giám đốc – CTCP Xuất nhập khẩu Đức Bình
 - 06/2016 – 11/2021: Thành viên BKS – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
 - 11/2021 – nay: Chủ tịch HĐQT – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Chủ tịch HĐQT CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần



o Ông Đỗ Hùng Anh – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1990
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - 2015 – 2019: P. Trưởng kho TK An Sương – Công ty TNHH MTV Thương mại BSG
 - 2019 – 2020: Trưởng TTPP Củ Chi – Công ty TNHH MTV Thương mại BSG
 - 11/2021 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Lý lịch Hội đồng quản trị



o Ông Bùi Quang Hải – Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1953
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Quá trình công tác:

01/2006 – 06/2008	Ủy viên HĐQT Tổng Cty Bia – Rượu – NGK Sài Gòn, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
07/2008 – 05/2013	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO
06/2013 – 06/2016	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
06/2016 – 11/2021:	Nghỉ hưu theo chế độ
11/2021 – nay	Chủ tịch HĐQT – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Thành viên HĐQT Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần



o Ông Nguyễn Thành Trung – Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1967
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo
- Quá trình công tác:

08/1990 – 04/1993	Cán bộ Nghiên cứu khoa học phụ trách phần thiết kế - Trung tâm Công nghiệp Khoa học thuộc viện Khoa học Việt Nam tại TPHCM
05/1993 – 08/1996	Kỹ sư – Xưởng cơ khí Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
01/2006 – 02/2007	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
2008 – 02/2018	Thành viên HĐQT kiêm TGD – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
02/2018 – nay	Thành viên HĐQT CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần MENTO
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần



o Ông Phạm Sơn Hà – Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện/ Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

1994 – 1996	Công ty XD & TTNT(Tổng Công ty XD Sài Gòn)
1996 – 2007	Ban QLDA các Công trình Điện Miền Nam (Tập đoàn Điện Lực Việt Nam – EVN)
2007 – 2008	Ban QL Khu Đô thị mới Thủ Thiêm (UBND TPHCM)
2008 – 2011	Công ty TNHH Thương Mại – Xây dựng Trà My
2011 – nay	Chuyên trách quản lý vốn Tổng Công ty Bia – Rượu – NGK Sài Gòn (SABECO)
11/2021 – nay	Thành viên HĐQTCTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Thành viên HĐQT Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên trách quản lý vốn SABECO
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: Đại diện sở hữu 963.000 cổ phiếu ; chiếm 26% VDL



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Lý lịch Ban Tổng Giám đốc

Lý lịch ông Đỗ Hùng Anh (Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc) được trình bày ở mục Lý lịch Hội đồng quản trị tại Báo cáo này.



o Bà Nguyễn Thị Loan - Phó Tổng giám đốc

- Năm sinh: 1969
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- Quá trình công tác:

Bà Loan từng nắm giữ chức vụ Trưởng văn phòng Giám đốc, Trợ lý Tổng Giám Đốc, Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc điều hành Hành chính – Nhân sự CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp 06/2016 – 12/11/2021 Thành viên HĐQT – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp 08/2019 – nay Phó Tổng Giám đốc – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần



o Bà Nguyễn Thị Long Châu - Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1961
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác:

Bà Châu đã từng nắm giữ chức vụ Kế toán nhà máy Cơ điện Tân Bình, Kế toán trưởng nhà máy Cơ khí Thực Phẩm (nay là Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp) 02/2012 – 11/2016 Giám đốc điều hành tài chính kiêm Kế toán trưởng – CTCP Cơ khí và xây lắp Công nghiệp 11/2016 – nay Kế toán trưởng – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Kế toán trưởng CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần



Lý lịch Ban kiểm soát



o Ông Nguyễn Văn Sơn – Trưởng Ban Kiểm soát

- Năm sinh: 1976
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Cử nhân Luật Kinh tế

- Quá trình công tác:

04/2004 – 12/2007	Kế toán trưởng CTCP Sản xuất Bao bì & Hàng Xuất khẩu – CN HCM
01/2008 – 04/2010	Kế toán trưởng CTCP Truyền Thông Sao Thế Giới
04/2010 – 06/2011	Kế toán trưởng CTCP Đất Xanh Miền Bắc
09/2011 – nay	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO
06/2015 – nay	Trưởng BKS CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Trưởng BKS Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Lý lịch Ban kiểm soát



o Ông Nguyễn Thanh Liêm – Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính
- Quá trình công tác:

1996 – 2000	Kế toán trưởng – DNTN Xây lắp Điện Quyết Thắng
2000 – 2006	Kế toán trưởng – Công ty TNHH Tân Hải Minh
2007 – 2010	Kế toán trưởng – Công ty TNHH SX.TM Phúc An
2010 – 2012	Kế toán trưởng – CTCP Việt Nam Chi Tín
2012 – 2013	Phó phòng Tài chính CTCP – Tập đoàn Cà phê Trung Nguyên
01/2017 – 03/2017	Trợ lý Tổng Giám Đốc – CTCP An Hiền
04/2017 – 12/11/2021	Thành viên HĐQT – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
02/2018 – 07/12/2021	Tổng Giám Đốc – CTCP Cơ Khí và Xây lắp Công nghiệp
2021 – nay	Thành viên BKS – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Thành viên BKS Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần



o Ông Đinh Văn Hanh – Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí - Hàn
- Quá trình công tác:

2003 – 2008	Nhân viên Kiểm tra chất lượng sản phẩm phòng Kỹ thuật – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
2008 – 2009	Phó phòng quản lý chất lượng – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
06/2016 – nay	Trưởng phòng quản lý chất lượng – Thành viên Ban kiểm soát – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
03/2019 – nay	Thành viên BKS CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp – Giám đốc nhà máy chế tạo Thiết bị đồng bộ
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Thành viên BKS Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: Cá nhân sở hữu 504 CP; chiếm 0,014%VĐL

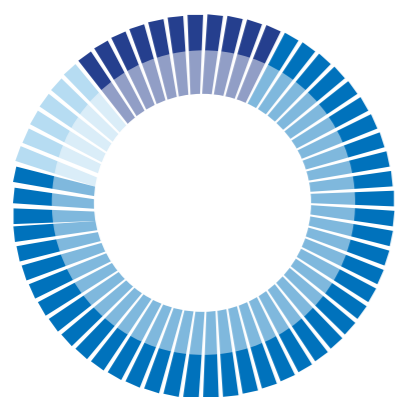
Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2022: Không có

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Số lượng cán bộ, nhân viên

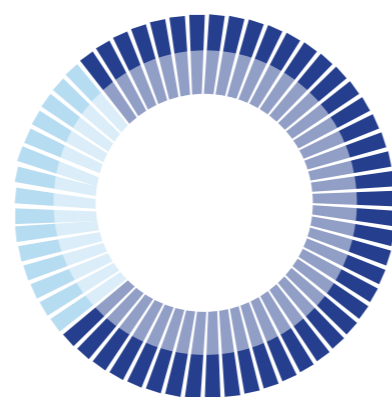
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
A	Theo trình độ	202	100
1	Trình độ đại học, trên đại học	38	18,81
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	144	71,29
3	Khác	20	9,90
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	202	100
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	53	26,24
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	149	73,76
C	Trình độ lao động	202	100
1	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	46	22,77
2	Trình độ bậc thợ	156	77,23

Cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn



- Đại học, trên đại học: 18,81%
- Cao đẳng, trung cấp: 71,29%
- Trình độ khác: 9,90%

Cơ cấu lao động theo tính chất hợp đồng lao động



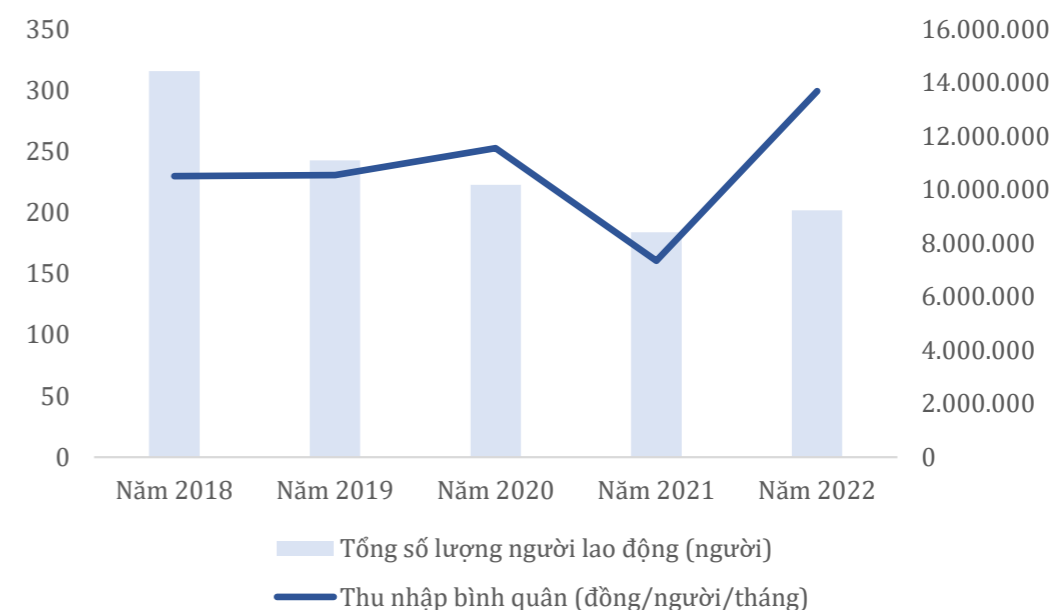
- Hợp đồng không xác định thời hạn: 73,76%
- Hợp đồng xác định thời hạn: 26,24%

Cơ cấu lao động theo Trình độ lao động



- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: 22,77%
- Trình độ bậc thợ: 77,23%

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động (người)	316	243	223	184	202
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	10.520.000	10.550.000	11.560.000	7.350.000	71,29



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chính sách nhân sự

Về đào tạo và tuyển dụng

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, IMECO luôn chú trọng đến việc đầu tư vào đào tạo và tuyển dụng nhân sự có chất lượng cao. Các nhân viên của công ty được yêu cầu tham gia vào các khóa đào tạo để cập nhật kiến thức và kỹ năng mới nhất, từ đó giúp đảm bảo hoạt động sản xuất diễn ra hiệu quả và đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

Từng giai đoạn phát triển của Công ty, Ban lãnh đạo luôn đặt ra các tiêu chuẩn khác nhau cho từng bộ phận, từ đó, chọn lọc ra những ứng viên sáng giá, phù hợp với từng vị trí công việc. Ngoài ra, trong năm 2022, Công ty cải thiện các chính sách đãi ngộ cả về vật chất lẫn tinh thần, tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, làm cơ sở vững chắc, ổn định cho người lao động mới khi ứng tuyển vào Công ty.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Chính sách lương thưởng của người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật và theo nguyên tắc công bằng, minh bạch, tuân thủ theo nội dung hợp đồng đã ký kết với nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty luôn đảm bảo các quyền lợi cho nhân viên theo quy định của Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm thất nghiệp; chú trọng thực hiện chăm sóc y tế định kỳ cho người lao động, tổ chức các hoạt động tập thể, văn nghệ thúc đẩy tinh thần đoàn kết và tạo niềm vui trong công việc. IMECO chi trả lương cho người lao động đảm bảo bằng hoặc cao hơn mức lương tối thiểu vùng để đảm bảo đầy đủ lợi ích cho người lao động khi cống hiến cho Công ty.

Môi trường làm việc

Môi trường công việc là một trong những yếu tố quan trọng, tiền đề cho sự gắn bó lâu dài của người lao động. Do đó, Công ty luôn thay đổi, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và công bằng, nhằm tạo động lực làm việc cho nhân viên.

Ngoài ra, Công ty còn trang bị đầy đủ các thiết bị, đảm bảo an toàn và vệ sinh cho người lao động trong khuôn viên làm việc, địa điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, để người lao động cảm thấy thoải mái, tạo ra những sản phẩm đạt tiêu chuẩn.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Không có

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% 2022/2021
Tổng giá trị tài sản	65.777	124.784	189,71%
Doanh thu thuần	65.296	180.039	275,73%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-0,075	1.578	-
Lợi nhuận khác	684	1.485	216,94%
Lợi nhuận trước thuế	609	3.063	503,12%
Lợi nhuận sau thuế	609	3.063	503,12%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

Trong năm 2022, tổng giá trị tài sản của Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp hơn 124,78 tỷ đồng, tăng 89,71% so với năm 2021. Lượng hàng tồn kho của Công ty tăng từ 33,94 tỷ lên 77,05 tỷ đồng, tương đương tăng 127,04% so với năm trước. Hàng tồn kho chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và nguyên vật liệu sản xuất phục vụ cho đơn hàng của quý I/2023.

Nhờ vào chỉ đạo sâu sát của Ban lãnh đạo, cùng sự cố gắng không ngừng của cán bộ lao động

toàn Công ty, đã góp phần hoàn thành và đạt được kết quả kinh doanh đáng khích lệ. Cụ thể:

+ Doanh thu thuần năm 2022 đạt 180,04 tỷ đồng, tăng 175,73% so với năm trước;

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 3,063 tỷ đồng, tăng 402,96% so với năm trước

Tuy năm 2022, Công ty đạt được nhiều thành công trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng Công ty vẫn luôn thận trọng đưa ra những quyết định phù hợp trước những diễn biến khó lường có thể xảy ra của thị trường trong tương lai.

Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,61	1,28
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,74	0,47
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	59,40	76,14
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	146,28	319,15
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1,83	2,85
2	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,07	1,89
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,93	1,70
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2,31	10,85
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,99	3,21
4	Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	-0,12	0,88



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Để đảm bảo đủ nguồn nguyên liệu cho việc sản xuất liên tục và hạn chế lãng phí nguyên vật liệu, Công ty đã lưu kho 01 lượng lớn nguyên vật liệu phục vụ cho các đơn hàng trong quý tới cũng như triển khai đầu tư, thay thế các thiết bị hư hỏng, lạc hậu. Cụ thể, giá trị nguyên vật liệu và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2022 đạt lần lượt là 14,01 tỷ đồng và 62,67 tỷ đồng, tăng hơn 6,22 tỷ đồng và gần 37 tỷ đồng, tương đương tăng 79,89% và 144,12% so với năm 2021. Nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tăng dẫn đến hàng tồn kho tăng, tài sản ngắn hạn tăng 93,97% so với cùng kỳ năm trước, đạt gần 121,65 tỷ đồng.

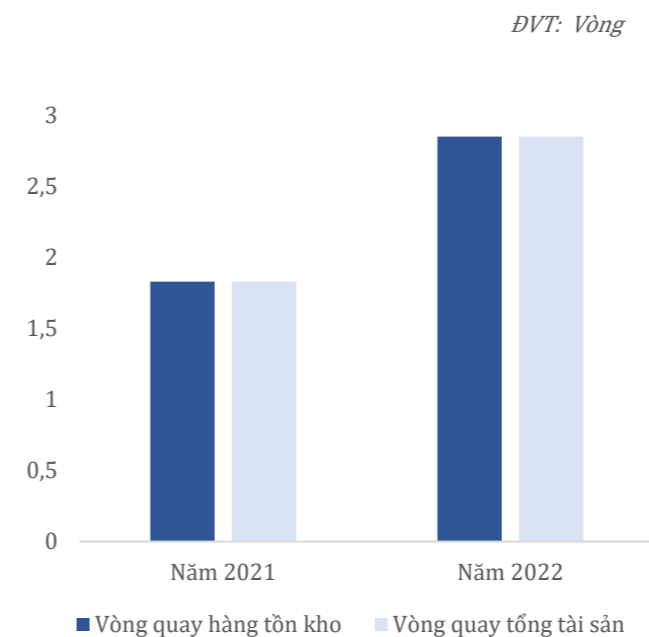
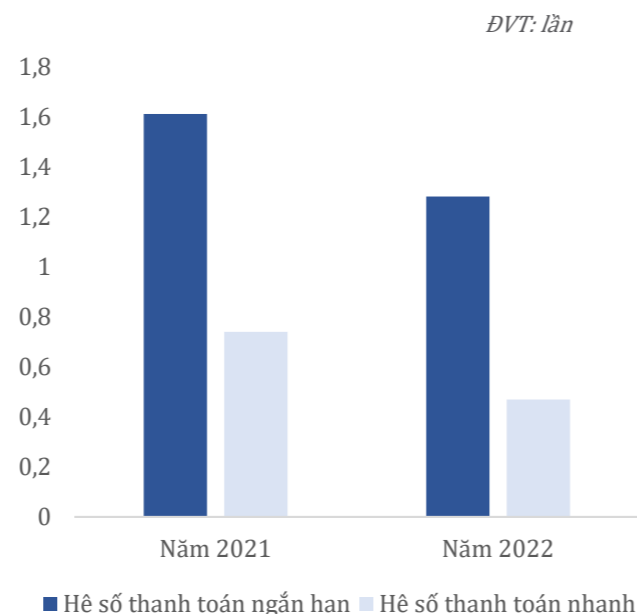
Mặt khác, nợ ngắn hạn tăng 55,94 tỷ đồng, tương đương tăng 143,19% so với năm 2021, chủ yếu là do khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn tăng 140,64% so với năm trước, đạt khoảng 62,36 tỷ đồng. Qua đó, làm hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đều giảm còn 1,28 lần và 0,47 lần.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hai hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng lần lượt là 16,75% và 172,87% so với cùng kỳ năm trước, đạt lần lượt là 76,14% và 319,15% trong năm 2022.

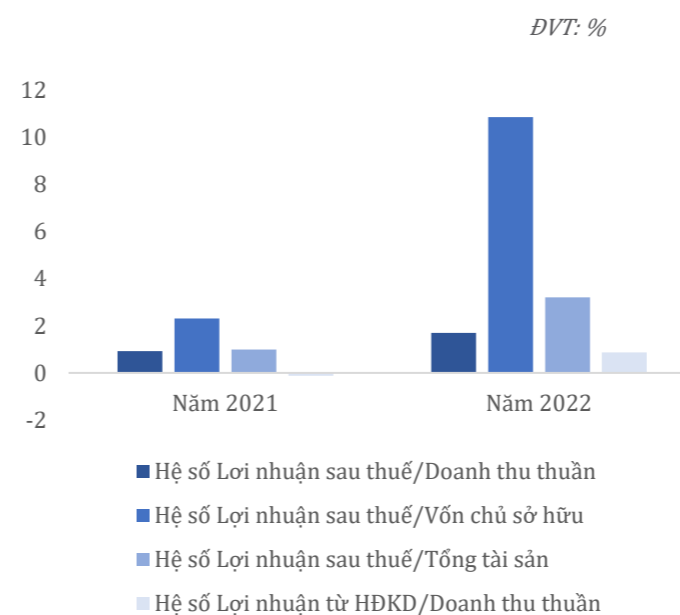
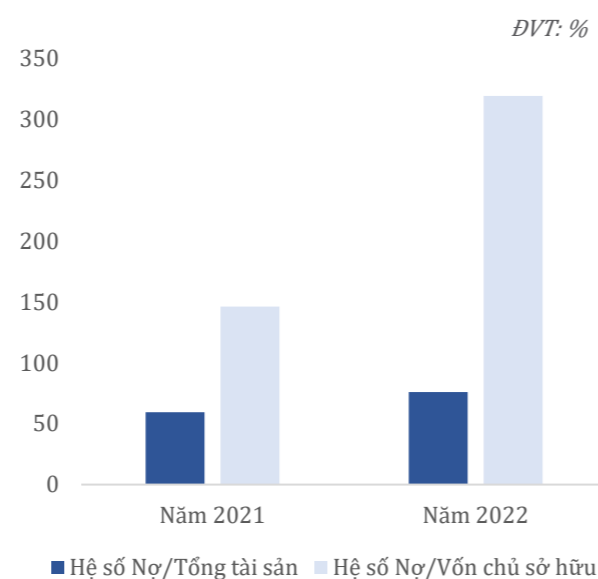
Nguyên nhân chính là do các đơn hàng dồi dào và để duy trì vốn lưu động phù hợp, Công ty vay ngắn hạn để phục vụ sản xuất kinh doanh trong quá trình nhập nguyên vật liệu, thanh toán các chi phí bán hàng, trả lương cho người lao động. Tính đến ngày 31/12/2022, khoản vay và thuê tài chính ngắn hạn phát sinh là 20,90 tỷ đồng. Bên cạnh đó, khoản mục người mua trả tiền trước ngắn hạn của khách hàng cũng tăng mạnh khoảng 140,64% so với năm trước, đạt khoảng 62,36 tỷ đồng.

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn luôn duy trì mức độ, tỷ trọng hợp lý, cân đối giữa vốn vay và nguồn vốn tự có, nhằm đảm bảo được khả năng chi trả vốn vay và giảm áp lực chi phí tài chính cho Doanh nghiệp.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho và Vòng quay tổng tài sản đều tăng mạnh, lần lượt tăng là 55,86% và 77,35% so với năm 2021, đạt ở mức 2,85 vòng và 1,89 vòng. Nguyên nhân là do, trong năm 2022, Công ty nhận được nhiều đơn hàng, tăng cường nhân sự, lao động sản xuất, gia tăng năng lực sản xuất, tăng hiệu quả kinh doanh, ghi nhận doanh thu thuần và giá vốn lần lượt tăng 175,73% và 285,03% so với cùng kỳ năm trước, tương đương đạt 262,61 tỷ đồng và 224,07 tỷ đồng.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ số thể hiện khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2022 đều tăng trưởng khả quan. Cụ thể, ROS, ROE, ROA và hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh / doanh thu thuần của Công ty tăng lần lượt là 0,77%; 8,54%; 2,22%; 0,99%, đạt lần lượt là 1,70%; 10,85%; 3,21% và 0,88% vào năm 2022. Trước nền kinh tế tăng trưởng, hoạt động xuất nhập khẩu lưu thông trở lại, các đơn hàng kéo đến, đảm bảo được nguồn doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng cho Công ty trong năm 2022.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phiếu

- **Tổng số cổ phần đã phát hành:** 3.599.948 cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 3.599.948 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- **Loại cổ phần đang lưu hành:** Cổ phần phổ thông
- **Mệnh giá cổ phần:** 10.000 đồng/cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông tại ngày 15/03/2022

ĐVT: Triệu đồng

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	126	3.599.948	35.999.480.000	100%
1	Cá nhân	119	1.924.187	19.241.870.000	53,45%
2	Tổ chức	7	1.675.761	16.757.610.000	46,55%
II	Cổ đông nước ngoài	0	-	-	0,00%
1	Cá nhân	0	-	-	0,00%
2	Tổ chức	0	-	-	0,00%
Tổng cộng (I+II)		126	3.599.948	35.999.480.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49% (*)

(*) Tỷ lệ theo Thông báo Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa nộp tại VSD. IMECO sẽ thông báo chính thức ngay sau khi hoàn tất thông báo Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và có công văn xác nhận từ UBCKNN.

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO	936.000	26%
2	Nguyễn Thị Huệ	848.700	23,58%
3	Công ty Cổ phần An Hiền	588.484	16,35%
4	Vũ Thị Hoa	283.492	7,87%
5	Nguyễn Thành Trung	184.200	5,12%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Từ khi cổ phần hóa đến nay, Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp không thực hiện tăng vốn.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có.

Các chứng khoán khác

Không có.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Tác động môi trường

Để giảm thiểu tác động tiêu cực của hoạt động sản xuất đến môi trường, IMECO đã thực hiện một số biện pháp như tuyên truyền và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của nhân viên và đào tạo họ để phân loại và xử lý rác thải công nghiệp một cách bảo đảm vệ sinh, an toàn và bền vững. Nhờ đó, nhân viên được nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường và trách nhiệm của mỗi người trong việc giảm thiểu tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường. Điều này đồng thời giúp Công ty IMECO đảm bảo chất lượng sống cộng đồng bằng cách tìm kiếm đối tác chuyên thu mua rác thải công nghiệp. Vì vậy, IMECO đang nỗ lực để đóng góp vào việc bảo vệ môi trường và đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội.

Ngoài ra, IMECO cũng tập trung vào việc áp dụng các giải pháp công nghệ hiện đại để giảm thiểu tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường. Công ty đầu tư vào các thiết bị và hệ thống xử lý nước thải, xử lý khí thải và giảm thiểu lượng chất thải độc hại được thải ra môi trường. Việc áp dụng các giải pháp công nghệ hiện đại này không chỉ giúp giảm thiểu tác động đến môi trường mà còn mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty bằng cách tiết kiệm năng lượng và tài nguyên. IMECO còn thường xuyên đánh giá, theo dõi và cải thiện các hoạt động sản xuất của mình để giảm thiểu tác động đến môi trường. Công ty thường xuyên tổ chức kiểm tra và giám sát quá trình sản xuất và xử lý chất thải để đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường.

Tiêu thụ nước

Bảo vệ và tiết kiệm nguồn nước cũng là một trong những vấn đề được IMECO quan tâm và có chính sách cụ thể trong quá trình hoạt động kinh doanh. Nguồn nước sạch là một tài nguyên quý giá của môi trường và Công ty luôn nỗ lực tối ưu hóa và tiết kiệm nguồn nước sạch trong quá trình sản xuất. Các chính sách bao gồm:

Đối với nước sinh hoạt: Công ty luôn khuyến khích, tuyên truyền cho công nhân viên ý thức sử dụng nước tiết kiệm và hiểu rõ tầm quan trọng của nguồn tài nguyên nước. Công ty cũng thường xuyên kiểm tra và sửa chữa đường ống, van nước để giảm thiểu thất thoát.

Đối với nước sử dụng trong sản xuất: IMECO luôn đầu tư phát triển khoa học kỹ thuật trong quy trình sản xuất, tăng hiệu suất sản phẩm với chi phí năng lượng tối thiểu và đảm bảo an toàn với môi trường.

Tiêu thụ năng lượng

IMECO là một công ty chế tạo và sản xuất máy móc cơ khí, trong đó điện năng là một trong những nguồn năng lượng được sử dụng nhiều nhất. Tuy nhiên, việc sử dụng lượng điện lớn đối với các máy cơ khí công nghiệp nặng dẫn đến chi phí tiêu thụ cao. Để giảm thiểu chi phí và bảo vệ môi trường, IMECO đã đưa ra nhiều chủ trương và chính sách để tiết kiệm năng lượng.

Để tiết kiệm điện năng, IMECO đã thực hiện kiểm tra và rà soát các hệ thống sản xuất kinh doanh để tìm ra các trang thiết bị máy móc hỏng hóc và tiến hành sửa chữa chúng. Việc sửa chữa trang thiết bị máy móc không chỉ làm tăng hiệu suất sử dụng, mà còn giảm chi phí điện năng tiêu thụ.

Ngoài ra, IMECO cũng tuyên truyền và nâng cao ý thức của các nhân viên trong việc tiết kiệm điện năng và cải tiến hiệu quả sử dụng trang thiết bị. Nhân viên sẽ được tập huấn về cách sử dụng trang thiết bị một cách tiết kiệm, như tắt các thiết bị không cần thiết khi không sử dụng, bảo trì và vệ sinh định kỳ các trang thiết bị để tăng hiệu quả sử dụng và giảm chi phí tiêu thụ điện năng.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty IMECO JSC sử dụng sắt, thép, INOX, dầu và nhớt trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Giá thành nguyên vật liệu này có điều chỉnh giảm trong năm 2022 nhưng vẫn duy trì ở mức cao, dẫn đến việc quản lý nguồn nguyên vật liệu trở thành một vấn đề quan trọng. Vì vậy, Công ty luôn chú ý đến việc tối ưu hóa lợi nhuận và tránh thiệt hại quá nặng nề trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Để thắt chặt nguồn nguyên vật liệu, Công ty đưa ra các chính sách để tránh lãng phí và sử dụng một cách phù hợp và có kế hoạch. Công ty cũng tìm kiếm nguồn nguyên vật liệu chất lượng với giá thành phù hợp bằng cách theo dõi và mua đúng thời điểm. Điều này giúp giảm thiểu chi phí và tối đa hóa lợi nhuận của Công ty.

Ngoài ra, Công ty luôn nghiên cứu, xác định và dự báo các xu hướng thị trường, nắm bắt kịp tình hình để đưa ra các chiến lược phù hợp và ứng phó với sự thay đổi của giá thành nguyên vật liệu trong tương lai. Từ đó giúp Công ty chuẩn bị tốt hơn cho việc quản lý nguồn nguyên vật liệu và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



Chính sách
liên quan
NLD

Người lao động là nguồn lực quan trọng nhất để đạt được mục tiêu kinh doanh của Công ty. Vì vậy, công ty luôn đặt sự chú trọng đến sức khỏe và phát triển của cán bộ công nhân viên.

Là một công ty sản xuất thiết bị cơ khí công nghiệp, cán bộ công nhân viên của IMECO thường xuyên phải làm việc trong môi trường độc hại. Để đảm bảo sức khỏe của nhân viên, công ty đã tổ chức các buổi khám sức khỏe định kỳ để giám sát sức khỏe của cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, IMECO cũng thường xuyên cập nhật và cung cấp trang thiết bị bảo hộ để đảm bảo an toàn lao động cho nhân viên.

Công ty cũng rất quan tâm đến việc nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên. Vì vậy, IMECO mở các buổi đào tạo nội bộ để cung cấp kiến thức mới và cập nhật kỹ năng cho nhân viên. Điều này không chỉ giúp cho nhân viên nâng cao chất lượng công việc, mà còn giúp cho Công ty đạt được hiệu quả sản xuất cao hơn.

Ngoài ra, IMECO cũng cam kết đảm bảo chế độ lương thưởng, bảo hiểm và trợ cấp phù hợp cho cán bộ công nhân viên. Công ty hiểu rằng, việc đảm bảo các chế độ này không chỉ giúp cho nhân viên cảm thấy được đối xử công bằng, mà còn giúp cho công ty giữ chân được những người có năng lực và kinh nghiệm.



Trách nhiệm
đối với cộng
đồng

Ngoài tập trung sản xuất kinh doanh hiệu quả, Công ty còn chú trọng đến trách nhiệm của mình đối với cộng đồng địa phương nơi Công ty đặt trụ sở. Đó là tinh thần trách nhiệm, là đức tính thiêng liêng, cao đẹp của người dân Việt Nam. Công ty luôn chủ động và mong muốn được chia sẻ với những gia đình, địa phương đang gặp khó khăn trong cuộc sống; tiếp tục nỗ lực vừa tăng trưởng kinh tế doanh nghiệp, vừa thúc đẩy sự phát triển bền vững của cộng đồng.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, doanh nghiệp đã dần tạo được sự tin tưởng trong lòng khách hàng dựa trên nền tảng cộng đồng xã hội vững chắc. Nhờ vậy, Công ty luôn ý thức và chủ động chia sẻ, hỗ trợ tài chính trong khả năng có thể đối với những gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Không có.



3

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2022, nền kinh tế Việt Nam đã quay trở lại tình hình bình thường mới khi Covid – 19 không còn là rào cản cho các hoạt động kinh tế - xã hội. So với năm 2021, tăng trưởng kinh tế Việt Nam tăng trưởng mạnh mẽ trên nền thấp của năm ngoái. Tuy nhiên, ở một số khu vực trên thế giới, tốc độ tăng trưởng kinh tế đang dần chậm lại do tác động từ chiến tranh và dịch bệnh, cụ thể là châu Âu và Trung Quốc. Các vấn đề này mở ra cơ hội cũng như thách thức đối với IMECO vì tệp khách hàng truyền thống của Công ty ở khu vực châu Âu nên khi nền kinh tế của khu vực này suy giảm thì sẽ gián tiếp ảnh hưởng tới số lượng đơn hàng của IMECO. Cụ thể như sau:

THUẬN LỢI

- » IMECO đã chủ động được trong việc kiểm soát chi phí nguyên vật liệu thông qua việc Ban lãnh đạo đã nỗ lực tìm kiếm nguồn cung trên thị trường.
- » IMECO có một đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết, luôn hỗ trợ lẫn nhau và có khả năng sáng tạo trong công việc.
- » Tính đến Quý I/2022, khối lượng công việc đã đủ cho cả năm, đảm bảo công việc và thu nhập ổn định cho người lao động.
- » Với hơn 43 năm hoạt động và kinh doanh, IMECO sở hữu kinh nghiệm sản xuất dồi dào, thương hiệu IMECO có vị thế nhất định và uy tín đối với khách hàng truyền thống.

KHÓ KHĂN

- » Công ty gặp khó khăn về vốn lưu động để thực hiện các đơn hàng lớn, nên việc đầu tư cần có kế hoạch và những thời điểm tài chính khả quan, hoặc bằng nguồn vốn vay dài hạn ngân hàng.
- » Đa số máy móc thiết bị của Công ty đã quá cũ và một số máy lạc hậu, có một số máy tuổi thọ đã trên 50 năm và đã hết khấu hao. Việc này gặp rất nhiều khó do IMECO không đáp ứng được điều kiện tài sản thế chấp cho ngân hàng về việc cấp hạn mức tín dụng hàng năm.



Cùng sự cố gắng toàn thể cán bộ công nhân viên và sự chỉ đạo tận tình của Ban điều hành, Công ty đã vượt qua khó khăn, đón chào những đơn hàng trở lại, và đạt được kết quả kinh doanh khả quan thông qua các công tác sau:

Về lĩnh vực sản xuất

- » Tối ưu hóa vận hành các công đoạn nhằm nâng cao năng suất thiết bị, tiết giảm các chi phí tiêu hao điện năng, nhiệt năng.
- » Rà soát lại toàn bộ định mức công, phù hợp với công nghệ và tay nghề người lao động, nhằm phát huy hết khả năng của người lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- » Sắp xếp sản xuất hiệu quả tránh lãng phí, giảm tiêu hao vật tư, sử dụng lao động hợp lý để giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm.
- » Lập kế hoạch và thực hiện công tác sửa chữa định kỳ máy móc thiết bị nhằm phục vụ sản xuất đảm bảo tiến độ, chất lượng.
- » Đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình mới, triển khai công trình trong năm đảm bảo chất lượng, uy tín và hiệu quả trong sản xuất.

Về lĩnh vực tài chính

- » Thực hiện tốt công tác quản lý, kiểm tra, hạch toán, quyết toán theo quy định của pháp luật.
- » Xây dựng kế hoạch tài chính năm, lập kế hoạch chi tiết cho từng tháng, quý để kịp thời cho sản xuất kinh doanh. Chủ động, linh hoạt trong công tác sử dụng vốn để giảm đến mức thấp nhất chi phí lãi vay.
- » Phối hợp với phòng Kinh doanh, đơn đốc thu hồi các khoản công nợ theo đúng thời gian quy định.
- » Lập các báo cáo về lĩnh vực tài chính đầy đủ và kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.

Về lĩnh vực nhân sự - tiền lương

- » Công ty xác định nguồn nhân lực là yếu tố quyết định cho sự phát triển của doanh nghiệp nên luôn chăm lo đến đời sống, vật chất cho người lao động. Thu nhập của người lao động duy trì tối thiểu ở mức trung bình khá so với mặt bằng chung với các đơn vị cùng ngành và thực hiện tốt các chế độ theo quy định của pháp luật trên cơ sở hài hòa lợi ích của các cổ đông với người lao động.
- » Đào tạo nguồn nhân lực để nâng cao trình độ tay nghề, nâng cao năng suất cho người lao động từ đó tạo ra những sản phẩm chất lượng đạt đủ tất cả các tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật, mỹ thuật theo yêu cầu của khách hàng.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Về kinh doanh – thị trường

- » Duy trì mối quan hệ đối với các đối tác qua việc xây dựng các chính sách kinh doanh phù hợp với kinh tế thị trường, đảm bảo quyền lợi cho khách hàng.
- » Tập trung khai thác thị trường xuất khẩu, xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng truyền thống, đảm bảo sản xuất ổn định, có việc làm thường xuyên cho người lao động.
- » Nắm bắt thông tin thị trường kịp thời và chính xác. Tích cực tham gia chào giá các dự án trong và ngoài nước nhằm có đủ công việc thường xuyên.
- » Tăng cường kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên, nhiên vật liệu đầu vào, thiết kế tính toán tận dụng tối đa nguyên vật liệu để mang lại hiệu quả cao.
- » Tăng cường công tác dự báo, nghiên cứu, phân tích thị trường thế giới và trong nước để điều hành sản xuất kinh doanh theo sát sự biến động của thị trường nhằm hạn chế khối lượng tồn kho làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty

Về lĩnh vực đầu tư

- » Đầu tư, thay thế một số máy móc đã hư hỏng, thanh lý và một số thiết bị nâng hạ như cầu trục, cổng trục để phục vụ kịp thời cho sản xuất, đáp ứng được tiến độ giao hàng.

Về lĩnh vực kỹ thuật – chất lượng sản phẩm

- » củng cố và tăng cường về nhân sự, đảm bảo triển khai bản vẽ, thiết kế kịp thời cho sản xuất khi có nhiều đơn hàng.
- » Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm, giảm thiểu tối đa các sản phẩm hư hại, lãng phí. Kiểm tra chặt chẽ chất lượng sản phẩm đầu vào và đầu ra, ứng dụng hệ thống máy móc công nghệ trong hoạt động sản xuất để tạo ra những sản phẩm tối ưu, đảm bảo sản phẩm đạt tiêu chuẩn cả về mỹ thuật lẫn kỹ thuật.
- » Hệ thống chất lượng sản phẩm theo hệ thống ISO 9001-2015 luôn được duy trì và cập nhật mới cho phù hợp. Luôn tổ chức thực hiện tốt hệ thống quản lý hàn theo tiêu chuẩn Châu Âu EN 3834-2 để đáp ứng theo yêu cầu của khách hàng.

Về công tác khác

- » Chú trọng đến công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của CBCNV về tầm quan trọng của công tác vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy và an ninh quốc phòng theo quy định của pháp luật.
- » Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban lãnh đạo luôn đề cao tinh thần đảm bảo an toàn lao động. Mỗi CBCNV của Công ty phải luôn trên tinh thần cảnh giác, tập trung để tránh rủi ro khi lao động
- » Luôn chú trọng đến công tác an toàn lao động và cải thiện môi trường làm việc cho người lao động.
- » Luôn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường và thực hiện nghiêm túc theo quy định của các cơ quan chức năng và địa phương.
- » Duy trì và thực hiện tốt các công tác phong trào, đoàn thể, cộng đồng, an sinh xã hội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	62.712	95,34%	121.648	97,49%
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.498	3,8%	1.311	1,05%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220	0,33%	5.220	4,18%
Các khoản phải thu ngắn hạn	20.366	30,96%	27.595	22,11%
Hàng tồn kho	33.937	51,59%	77.051	61,75%
Tài sản ngắn hạn khác	5.690	8,65%	10.471	8,39%
Tài sản dài hạn	3.065	4,66%	3.136	2,51%
Tài sản cố định	2.872	4,37%	3.079	2,47%
Tài sản dài hạn khác	193	0,29%	57	0,05%
Tổng tài sản	65.777	100%	124.784	100%

Tổng giá trị tài sản của Công ty trong năm 2022 hơn 124,78 tỷ đồng, tăng 89,70% so với tổng giá trị tài sản của Công ty ở năm 2021. Nguyên nhân là do tài sản ngắn hạn của Công ty tăng 93,98% so với cùng kỳ năm trước, chiếm khoảng 97,49% tổng tài sản năm 2022. Giá trị tổng tài sản ngắn hạn là 121,64 tỷ đồng, trong đó giá trị hàng tồn kho là khoản mục tăng mạnh nhất, tăng từ 33,94 tỷ lên 77,05 tỷ đồng, tương đương tăng 127,04% so với năm trước. Trong đó, sản phẩm đang chế tạo dở dang chiếm 62,674 tỷ đồng và tồn kho nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ là 14,378 tỷ

đồng. Toàn bộ giá trị này được chuyển tiếp sang năm 2023, Công ty tiếp tục sản xuất để xuất hàng vào quý 1 và quý 2 năm 2023.

Bên cạnh đó, tài sản dài hạn của Công ty tăng nhẹ, do Công ty ghi nhận mua mới các máy móc thiết bị khoảng 1,37 tỷ đồng và thanh các tài sản cố định không sử dụng khoảng 670 triệu đồng. Đồng thời, các tài sản cố định khác vẫn đang trong thời gian khấu hao, các khoản đầu tư mới chưa hoàn thành và được ghi nhận trong mục tài sản cố định.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	39.069	100%	95.013	100%
Phải trả người bán ngắn hạn	9.458	24,21%	7.949	8,37%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	25.914	66,33%	62.360	65,63%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	-	-	0,00%
Phải trả người lao động	2.199	5,63%	2.890	3,04%
Chi phí phải trả ngắn hạn	691	1,77%	-	0,00%
Phải trả ngắn hạn khác	527	1,35%	666	0,70%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	20.900	22,00%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	281	0,72%	247	0,26%
Nợ dài hạn	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	39.069	100%	95.013	100%

Tổng giá trị nợ phải trả của Công ty là các khoản nợ ngắn hạn. Trong năm 2022, tổng nợ phải trả của IMECO tăng 143,19% so với năm 2021. Nguyên nhân là do phát sinh nợ vay ngắn hạn (khoảng 20,90 tỷ đồng) để bổ sung vốn lưu động, và người mua trả tiền trước ngắn hạn cho các đơn hàng đang trong quá trình hoàn thành (khoảng 62,36 tỷ đồng, tăng 140,64% so với

cùng kỳ năm trước). Công ty đã dùng khoản vốn chiếm dụng được từ các khoản phải trả để giảm tối đa các khoản vay ngắn hạn, giảm áp lực chi phí tài chính lên Công ty trong bối cảnh lãi suất tăng trong những tháng cuối năm 2022. Trong cơ cấu Nợ phải trả, người mua trả tiền trước ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao, hơn 65,63% tổng nợ phải trả năm 2022.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- » Xây dựng phương án lương phù hợp, ổn định thu nhập cho người lao động, động viên tinh thần cho người lao động yên tâm sản xuất, gắn bó lâu dài với công ty.
- » Tạo điều kiện, tổ chức các buổi đào tạo, bồi dưỡng nội bộ, nâng cao tay nghề cho người lao động.
- » Tăng cường công tác dự báo, định hướng nguồn hàng, khách hàng để đảm bảo ổn định sản xuất của Công ty.
- » Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị của Công ty để đảm bảo sự phát triển bền vững.
- » Đầu tư, thay thế một số máy móc đã hư hỏng, thanh lý và một số thiết bị nâng hạ, đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất kinh doanh.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2022	KH 2023	KH 2023/ TH 2022
1	Tổng doanh thu	182.684	185.176	101,36%
2	Tổng chi phí	179.612	179.786	100,10%
3	Lợi nhuận trước thuế	3.063	5.390	175,97%

Kế hoạch đầu tư

Dự kiến trong năm 2023, Công ty triển khai đầu tư các tài sản với giá trị là 5,250 tỷ đồng. Trong đó cụ thể như sau:

ĐVT: triệu đồng

STT	Hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
1	Cổng trục dầm đôi 15T(thay thế cũ hư)	1,750
2	Nâng cấp buồng phun bi (2 buồng)	1,00
3	Máy tiện T 616 có độ chính xác cao	0,400
4	Máy hàn TIG,MIG các loại : 12 bộ	0,500
5	Máy chấn CNC 6m	1,00
6	Palang cầu trục 10T (02 bộ)	0,600

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp luôn ý thức rằng “để phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải gắn với nhiệm vụ thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường”. Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm cơ khí, IMECO sử dụng lượng lớn các kim loại như sắt, thép, Inox, que hàn, thuốc hàn, sơn công nghiệp và nhiên liệu như dầu, nhớt, v.v... để phục vụ sản xuất kinh doanh. Các nguyên vật liệu phế phẩm sau khi qua đã sử dụng cũng là một tác nhân gây ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường và đời sống của người dân xung quanh nếu không được xử lý đúng cách. Do đó, Công ty luôn tìm kiếm và ký kết với đối tác chuyên thu mua rác thải công nghiệp để đảm bảo chất lượng sống cộng đồng. Điều này góp phần làm cho môi trường làm việc sạch sẽ và an toàn sẽ giúp cán bộ công nhân viên của công ty có sức khỏe tốt hơn và làm việc hiệu quả hơn.

Ngoài ra, Công ty luôn chủ động tuyên truyền, nâng cao ý thức cán bộ công nhân viên trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường làm việc, đẩy mạnh thực hiện công tác thay thế, sử dụng các nguồn điện năng hiện đại hơn và có công suất thấp hơn nhằm tiết kiệm chi phí, tiết giảm lượng tiêu thụ nhiên liệu.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Nguồn nhân lực là tài sản quý giá của Công ty, đóng vai trò vô cùng quan trọng trong sự phát triển bền vững của Công ty. Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến sức khỏe của nhân viên và tổ chức các hoạt động thể thao, ngoài trời để tăng cường tinh thần đồng đội và nâng cao hiệu quả làm việc. Công ty cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm trả lương và các khoản bảo hiểm đối với nhân viên. Đồng thời, Công ty cũng tổ chức các buổi đào tạo để nâng cao kỹ năng và chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên.

Bên cạnh đó, Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ, thực hiện đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ an toàn và sức khỏe của người lao động. Công ty còn tạo điều kiện cho người lao động trong việc gắn kết thông qua các hoạt động đoàn thể.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn ý thức và chủ động chia sẻ, hỗ trợ tài chính trong khả năng đối với những gia cảnh khó khăn. Việc chia sẻ và hỗ trợ tài chính cho những gia đình gặp khó khăn không chỉ giúp đỡ họ vượt qua khó khăn mà còn tạo được lòng tin và sự đồng cảm từ khách hàng và cộng đồng xung quanh. Đó là mục tiêu cốt lõi mà doanh nghiệp mang lại cho cộng đồng.

4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban TGD công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Sau hơn 2 năm dịch bệnh hoành hành, gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mọi quốc gia trên thế giới nói chung và với IMECO nói riêng khi bị đứt gãy chuỗi cung ứng do phải thực hiện giãn cách xã hội. Đến năm 2022, nền kinh tế khôi phục mạnh mẽ, giao thương được đẩy mạnh, đơn hàng dồi dào, đủ khối lượng công việc cho người lao động trong cả năm. Đó là nỗ lực của Ban lãnh đạo trong suốt nhiều năm qua để giữ gìn mối quan hệ với khách hàng truyền thống và không ngưng tìm kiếm, mở rộng thêm các khách hàng mới. Do đó, kết quả, chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022 khả quan hơn:

Những kết quả đạt được năm 2022:

- » Doanh thu thuần đạt 180,04 tỷ đồng, tăng 175,73% so với năm 2021, vượt 26,87% kế hoạch;
- » Lợi nhuận từ HĐKD ghi nhận từ lỗ sang lãi 1,58 tỷ đồng, đạt 31,55% kế hoạch;
- » Lợi nhuận trước thuế đạt 3,06 tỷ đồng, tăng 4 lần so với năm 2021, đạt 61,24% kế hoạch.
- » Tổng số lao động đạt 202 người, tăng 9,78% so với năm 2021
- » Thu nhập bình quân đạt 13,70 triệu đồng, tăng 86,39% so với năm 2021

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2022, Tổng Giám đốc và các cán bộ điều hành đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- » Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và đã triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua tuy chưa hoàn thành hết các kế hoạch đề ra, nhưng Tổng giám đốc đã điều hành, chỉ đạo, đưa ra các chiến lược hợp lý để đạt được kết quả khả quan như năm 2022.
- » Sự thay đổi Tổng Giám đốc đã có nhiều tiến triển tích cực trong việc đưa ra các biện pháp để ổn định sản xuất.
- » Đối với các cán bộ điều hành, các cán bộ quản lý khác đều thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được phân công.

PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023

Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2022	KH 2023	KH 2023/ TH 2022
1	Tổng doanh thu	182.684	185.176	101,36%
2	Tổng chi phí	179.612	179.786	100,10%
3	Lợi nhuận trước thuế	3.063	5.390	175,97%

Đề đạt được kế hoạch, định hướng nêu trên, Hội đồng quản trị đưa ra các phương pháp thực hiện trong năm 2023 như sau:

- » Cố gắng duy trì mối quan hệ tốt với các khách hàng cũ và tìm kiếm thêm các khách hàng mới nhằm tăng số lượng đơn hàng trong năm 2023, đảm bảo cả về doanh thu cho Công ty và việc làm cho người lao động;
- » Đầu tư thêm máy móc và thiết bị hiện đại để nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, giảm chi phí gia công bên ngoài trong khi vẫn đáp ứng được những yêu cầu khắt khe của khách hàng;
- » Tiếp tục phân bổ, xây dựng kế hoạch tối thiểu hóa những khoản chi phí khác như chi phí bán hàng, chi phí quản lý, v.v... nhằm nâng cao các biên lợi nhuận;
- » Tiếp tục cơ cấu lại bộ máy sản xuất gọn nhẹ hơn, sát nhập lại một số phòng ban, xưởng sản xuất để nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí quản lý;
- » Tăng cường đào tạo người lao động về cả chuyên môn lẫn kỹ năng, đồng thời tăng sự gắn bó giữa nhân viên với Công ty để hạn chế các trường hợp biến động nhân sự như năm vừa qua.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Vũ Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	-	-
2	Đỗ Hùng Anh	Thành viên HĐQT	-	-
3	Bùi Quang Hải	Thành viên HĐQT	-	-
4	Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 184.200 CP	5,12%
5	Phạm Sơn Hà	Thành viên HĐQT	Đại diện : 963.000 CP	26%

Bà Vũ Thanh Phương – Chủ tịch HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện sở hữu: 0 CP, chiếm 0%VĐL
- Sở hữu cá nhân: 0 CP, chiếm 0%VĐL

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

Ông Đỗ Hùng Anh – Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện sở hữu: 0 CP, chiếm 0%VĐL
- Sở hữu cá nhân: 0 CP, chiếm 0%VĐL

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

Ông Bùi Quang Hải – Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện sở hữu: 0 CP, chiếm 0%VĐL
- Sở hữu cá nhân: 0 CP, chiếm 0%VĐL

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

Ông Nguyễn Thành Trung – Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện sở hữu: 0 CP, chiếm 0%VĐL
- Sở hữu cá nhân: 184.200 CP, chiếm 5,12%VĐL

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Tổng giám đốc Công ty MENTO

Ông Phạm Sơn Hà – Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện sở hữu: 963.000 CP, chiếm 26%VĐL
- Sở hữu cá nhân: 0 CP, chiếm 0%VĐL

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

Chuyên trách quản lý vốn Tổng Công ty Bia – Rượu – NGK Sài Gòn (SABECO)

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT trong năm

Không có

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

Năm 2022, HĐQT đã sâu sát, chỉ đạo, định hướng chiến lược, điều hành sản xuất kinh doanh, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty cũng có nhiều khởi sắc.

Hội đồng quản trị đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Nghị Quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

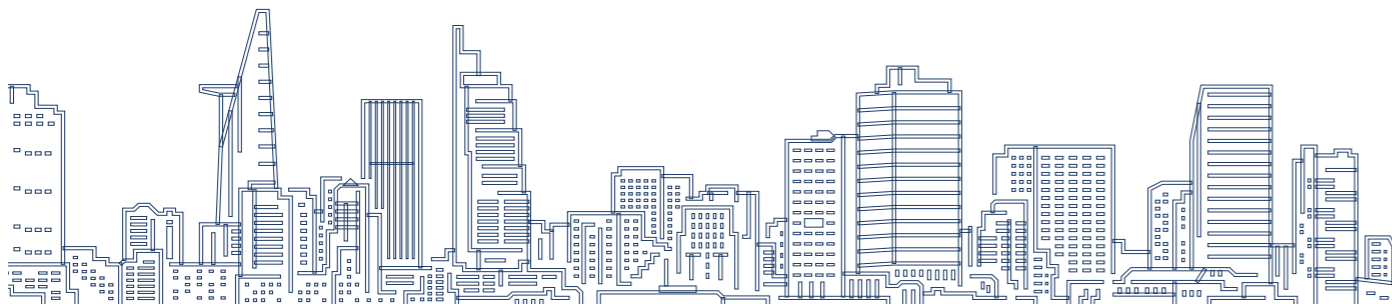
Hội đồng quản trị Công ty đã hoạt động theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty; Quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên Hội đồng quản trị; tổ chức họp Hội đồng quản trị định kỳ; Thực hiện giám sát và đánh giá theo từng quý để đảm bảo Ban điều hành thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra trong năm.

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trong đó, chú trọng về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, việc chấp hành pháp luật, bảo vệ môi trường và bảo đảm được lợi ích của người lao động cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của toàn thể cổ đông Công ty ty theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Trong năm 2022, các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty cơ bản đều đạt được kết quả tích cực.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Vũ Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	10/10	100%	
2	Đỗ Hùng Anh	Thành viên HĐQT	10/10	100%	
3	Bùi Quang Hải	Thành viên HĐQT	10/10	100%	
4	Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT	9/10	90%	
5	Phạm Sơn Hà	Thành viên HĐQT	9/10	90%	



Hội đồng quản trị đã tổ chức 10 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương đương như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	38/NQ-HĐQT	04/03/2022	Nghị quyết Hội đồng quản trị 1.Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 của IMECO đã được kiểm 2.Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 (Tiếp tục kiểm soát chi phí hiệu quả). 3.Thông qua Tờ trình bổ nhiệm lại chức vụ Giám đốc Nhà máy đối với ông Đinh Văn Hanh. 4.Thông qua Tờ trình phê duyệt đơn vị tư vấn sửa đổi Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế hoạt động BKS. ủy quyền cho Ban điều hành lựa chọn đơn vị tư vấn 5.Thông qua ngày dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 28/04/2022.	88%
02	49/QĐ-HĐQT	18/03/2022	Quyết định về việc Bổ nhiệm lại chức vụ Giám đốc Nhà máy đối với ông Đinh Văn Hanh	100%
03	58a/NQ-HĐQT	06/04/2022	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thông qua các tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau: 1.Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch năm 2022 2.Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và kế hoạch năm 2022 3.Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 4.Tờ trình thông qua BCTC năm 2021 đã kiểm toán và chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2022 5.Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 6.Tờ trình phê duyệt thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022	70%
04	62a/NQ-HĐQT	14/04/2022	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thông qua các tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau: 1.Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp 2.Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp 3.Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp 4.Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	80%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
05	79/NQ-HĐQT	28/04/2022	Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua một số nội dung sau: -Việc vay vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh từ các nguồn khác (Huy động từ cán bộ CNV, từ khách hàng bên ngoài Công ty..) ngoài hạn mức tín dụng được ngân hàng cấp. -Hạn mức huy động tối đa 30 tỷ đồng/ năm và lãi suất huy động không vượt qua 12%/năm.	100%
06	101/NQ-HĐQT	28/06/2022	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc phê duyệt đầu tư công trình trục dầm đôi 15 tấn, khẩu độ 16, nâng cao 12m phục vụ SXKD năm 2022	80%
07	114/NQ-HĐQT	02/08/2022	Nghị quyết của HĐQT về việc đề nghị cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) với hạn mức tín dụng 25 tỷ đồng	60%
08	114a/NQ-HĐQT	02/08/2022	Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua một số nội dung như sau: -Báo cáo tình hình SXKD 6 tháng đầu năm 2022 -Tờ trình số 112/TTr-CKXL ngày 30/7/2022 của Tổng Giám đốc về việc đề nghị cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải với hạn mức 25 tỷ đồng -Đề xuất ông Nguyễn Thanh Liêm tiếp tục đảm nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát đến kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	92%
09	154/NQ-HĐQT	31/10/2022	Nghị quyết HĐQT về việc miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Nhà máy đối với ông Đinh Văn Hanh	100%
10	155/NQ-HĐQT	31/10/2022	Nghị quyết HĐQT về việc bổ nhiệm chức vụ Giám đốc NM kiểm Truờng phòng Kỹ thuật đối với ông Hoàng Anh Tuấn	100%
11	161/NQ-HĐQT	07/11/2022	V/v áp dụng mức lương của GĐNM (Hoàng Anh Tuấn)	100%
12	163/NQ-HĐQT	08/11/2022	Nghị quyết HĐQT về việc bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Nguyễn Thị Long Châu	80%
13	176/NQ-HĐQT	17/11/2022	Nghị quyết HĐQT về việc vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN (BIDV) với hạn mức tín dụng 25 tỷ đồng.	80%

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Không có

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Văn Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
2	Đình Văn Hanh	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
3	Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên Ban kiểm soát	-	-

Danh sách thay đổi thành viên BKS trong năm

Không có

Hoạt động của Ban kiểm soát

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã thực hiện việc giám sát các hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và toàn thể nhân viên Công ty theo đúng kế hoạch đã đề ra. Đồng thời thường xuyên kiểm tra hồ sơ, tài liệu có liên quan để bảo đảm việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, bảo đảm được quyền, lợi ích hợp pháp của các cổ đông và nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật cũng như luôn bảo đảm được các chế độ chính sách đối với toàn thể người lao động trong Công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Định kỳ hàng quý và đột xuất, HĐQT tổ chức họp đều mời Ban kiểm soát, Ban điều hành tham dự để cùng nhau góp ý xây dựng các giải pháp kinh doanh của Công ty;
- Ban kiểm soát thường xuyên phối hợp với Ban lãnh đạo Công ty trong việc chỉ đạo và kiểm soát các phòng ban trực thuộc để thực hiện các Nghị quyết, kế hoạch phát triển Công ty trong từng giai đoạn cụ thể;
- Trong quá trình tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động về công tác quản lý điều hành và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu, thông tin liên quan theo đúng quy định Điều lệ và các quy định quản trị nội bộ của Công ty.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Văn Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	2/2	100%	
2	Đình Văn Hanh	Thành viên Ban kiểm soát	2/2	100%	
3	Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên Ban kiểm soát	2/2	100%	

Ban kiểm soát đã tổ chức 2 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Biên bản	Ngày	Nội dung
1	01/BKS 2022	27/05/2022	Họp định kỳ
2	02/BKS 2022	08/11/2022	Họp định kỳ

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

STT	Thành viên	Chức vụ	Thù lao	Lương	Thưởng
I	Hội đồng quản trị				
1	Vũ Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	-	-	-
2	Đỗ Hùng Anh	Thành viên HĐQT	-	-	-
3	Bùi Quang Hải	Thành viên HĐQT	-	-	-
4	Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT	-	-	-
5	Phạm Sơn Hà	Thành viên HĐQT	-	-	-
II	Ban Tổng Giám đốc		-	909.196.153	15.500.000
1	Đỗ Hùng Anh	Tổng giám đốc	-	470.493.462	1.652.000
2	Nguyễn Thị Loan	Phó tổng giám đốc	-	504.773.077	8.000.000
3	Nguyễn Thị Long Châu	Kế toán trưởng	-	404.423.076	7.500.000
III	Ban kiểm soát		-	457.353.845	15.000.000
1	Nguyễn Văn Sơn	Trưởng BKS	-	-	-
2	Đình Văn Hanh	Thành viên BKS	-	430.423.076	7.000.000
3	Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên BKS	-	26.930.769	8.000.000

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.

Công ty không phát sinh hợp đồng giao dịch cổ đông nội bộ và các bên liên quan

Không có

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Nhìn chung, IMECO luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt về quản trị công ty để đáp ứng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động. Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được ban hành, điều chỉnh theo quy định pháp luật hiện hành và tiệm cận với các thông lệ tốt về quản trị. Đồng thời, Công ty duy trì và đảm bảo thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.





**BÁO CÁO
TÀI CHÍNH NĂM 2022**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 2385/QĐ-TCCB ngày 22/07/2005 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4103004265 ngày 16/01/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận sửa đổi bổ sung kèm theo.

Hoạt động chính của Công ty là: Chế tạo các sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ. Lắp đặt máy móc. Xây dựng dân dụng và công nghiệp. Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp...

Trụ sở chính của Công ty tại số 929 – 931 Quốc lộ 1A, phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

Bà Vũ Thanh Phương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên
Ông Đỗ Hùng Anh	Thành viên
Ông Bùi Quang Hải	Thành viên
Ông Phạm Sơn Hà	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Hùng Anh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Loan	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Long Châu	Kế toán trưởng

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Sơn	Trưởng ban
Bà Đinh Văn Hạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2022 của Công ty được trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Vũ Thanh Phương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 27 tháng 02 năm 2023

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Đỗ Hùng Anh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, được lập ngày 27/02/2023, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1559-2023-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2023

Kiểm toán viên

Lê Bảo Ngọc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 3906-2022-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		121.648.279.857	62.711.938.419
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.310.956.015	2.498.176.938
1. Tiền	111		1.310.956.015	2.498.176.938
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.220.000.000	220.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	5.220.000.000	220.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.594.882.335	20.366.046.468
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	24.903.259.820	19.801.685.032
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.417.265.452	139.356.800
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	274.357.063	425.004.636
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	77.051.266.376	33.937.001.876
1. Hàng tồn kho	141		77.051.266.376	33.937.001.876
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.471.175.131	5.690.713.137
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	582.526.648	391.478.632
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.701.167.145	4.660.690.563
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.12	187.481.338	638.543.942
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.135.893.329	3.065.363.373
I. Tài sản cố định	220		3.079.133.329	2.872.379.373
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	3.079.133.329	2.872.379.373
- Nguyên giá	222		72.963.781.522	72.263.734.921
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.884.648.193)	(69.391.355.548)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		855.948.500	855.948.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(855.948.500)	(855.948.500)
II. Tài sản dài hạn khác	260		56.760.000	192.984.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	56.760.000	192.984.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		124.784.173.186	65.777.301.792

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		95.013.067.694	39.068.912.659
I. Nợ ngắn hạn	310		95.013.067.694	39.068.912.659
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	7.949.024.514	9.457.808.086
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	62.359.768.817	25.913.757.789
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	-	-
4. Phải trả người lao động	314		2.890.464.199	2.199.115.816
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	-	691.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	666.392.660	526.713.464
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	20.900.000.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		247.417.504	280.517.504
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.771.105.492	26.708.389.133
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	29.771.105.492	26.708.389.133
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.999.480.000	35.999.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.999.480.000	35.999.480.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.153.717.823	6.153.717.823
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(12.382.092.331)	(15.444.808.690)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(15.444.808.690)	(16.053.553.267)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.062.716.359	608.744.577
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		124.784.173.186	65.777.301.792

Người lập biểu

Võ Thị Bích Ngọc

Ngày 27 tháng 02 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Long Châu

Tổng Giám đốc



Đỗ Hùng Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		180.038.580.092	65.296.416.919
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	180.038.580.092	65.296.416.919
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	158.119.865.612	55.475.649.585
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.918.714.480	9.820.767.334
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.151.677.700	667.505.233
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.581.664.559	222.989.654
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.581.664.559	35.282.663
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	6.398.649.989	2.858.481.747
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	12.512.030.605	7.482.417.679
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.578.047.027	(75.616.513)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.493.761.846	684.361.090
12. Chi phí khác	32	VI.8	9.092.514	-
13. Lợi nhuận khác	40		1.484.669.332	684.361.090
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.062.716.359	608.744.577
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.062.716.359	608.744.577
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	851	169

Người lập biểu

Võ Thị Bích Ngọc

Ngày 27 tháng 02 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Long Châu

Tổng Giám đốc



Đỗ Hùng Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	151.241.483.456	58.041.049.538
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(128.347.125.813)	(29.097.334.067)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(40.098.033.801)	(21.292.585.276)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.372.664.559)	(35.282.663)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	9.337.552.778	521.143.578
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.768.892.521)	(5.450.405.434)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(17.007.680.460)	2.686.585.676
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.370.304.074)	(1.640.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.493.761.846	684.361.090
3. Tiền chi cho vay	23	(5.000.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia	27	20.295.864	18.280.233
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.856.246.364)	(937.358.677)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	59.233.685.174	2.806.100.450
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(38.333.685.174)	(4.937.402.442)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20.900.000.000	(2.131.301.992)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(963.926.824)	(382.074.993)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.498.176.938	2.969.461.491
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(223.294.099)	(89.209.560)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.310.956.015	2.498.176.938

Người lập biểu

Võ Thị Bích Ngọc

Ngày 27 tháng 02 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Long Châu

Tổng Giám đốc



Đỗ Hùng Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lập Công nghiệp là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 2385/QĐ-TCCB ngày 22/07/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4103004265 ngày 16/01/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận sửa đổi bổ sung kèm theo.

Trụ sở chính của Công ty tại số 929 – 931 Quốc lộ 1A, phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 202 người (tại ngày 31/12/2021 là 184 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, dịch vụ và xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là Chế tạo các sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ. Lắp đặt máy móc. Xây dựng dân dụng và công nghiệp. Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính; Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà xưởng và vật kiến trúc	10-20 năm
- Máy móc thiết bị	5-10 năm
- Phương tiện vận tải	6-10 năm
- Thiết bị quản lý	3-5 năm
- Phần mềm quản lý	3 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông, cổ tức được ghi nhận theo đề nghị của Hội đồng quản trị trong việc phân phối lợi nhuận trình Đại hội cổ đông.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

12. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

14. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định.
- Chi phí phải trả.
- Các khoản dự phòng.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	171.100.083	139.708.810
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.139.855.932	2.358.468.128
Cộng	1.310.956.015	2.498.176.938

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.220.000.000	220.000.000
Cộng	5.220.000.000	220.000.000

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tiền gửi tại ngân hàng có thời hạn đáo hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, hưởng lãi suất 7,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, lãi suất 4,8%/năm).

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 5.220.000.000 VND được cầm cố cho ngân hàng BIDV để đảm bảo một phần cho hợp đồng hạn mức tín dụng năm 2022 và ký quỹ phát hành bảo lãnh ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên thứ ba		
Andritz	13.247.260.158	-
AAF International LTD	6.862.933.000	-
Siemens Aktiengesellschaft	2.894.342.309	19.656.791.395
Aarding Thermal Acoustics	1.830.695.352	-
Phải thu khách hàng khác	68.029.001	144.893.637
Cộng	24.903.259.820	19.801.685.032

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có khoản phải thu của khách hàng ngắn hạn nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn	2.253.556.292	-
Trả trước cho người bán khác	163.709.160	139.356.800
Cộng	2.417.265.452	139.356.800

5. Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên thứ ba		
Tạm ứng	137.096.627	315.810.077
Phải thu về bảo hiểm xã hội	137.260.436	109.194.559
Cộng	274.357.063	425.004.636

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có khoản phải thu ngắn hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

6. Hàng tồn kho	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	14.007.001.808	-	7.786.036.584	-
Công cụ, dụng cụ	370.611.914	-	477.215.068	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	62.673.652.654	-	25.673.750.224	-
Cộng	77.051.266.376	-	33.937.001.876	-

7. Chi phí trả trước	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	582.526.648	391.478.632
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	582.526.648	391.478.632
Chi phí trả trước dài hạn	56.760.000	192.984.000
Chi phí sửa chữa	56.760.000	192.984.000
Cộng	639.286.648	584.462.632

14

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND	Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Số dư đầu năm	17.643.846.083	50.082.777.705	3.882.676.906	654.434.227	72.263.734.921	
Mua trong năm	113.320.000	1.219.002.256	-	37.981.818	1.370.304.074	
Thanh lý, nhượng bán	-	670.257.473	-	-	670.257.473	
Số dư cuối năm	17.757.166.083	50.631.522.488	3.882.676.906	692.416.045	72.963.781.522	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	17.238.498.854	47.615.745.561	3.882.676.906	654.434.227	69.391.355.548	
Khấu hao trong năm	255.962.251	898.092.412	-	9.495.455	1.163.550.118	
Thanh lý, nhượng bán	-	670.257.473	-	-	670.257.473	
Số dư cuối năm	17.494.461.105	47.843.580.500	3.882.676.906	663.929.682	69.884.648.193	
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	405.347.229	2.467.032.144	-	-	2.872.379.373	
Tại ngày cuối năm	262.704.978	2.787.941.988	-	28.486.363	3.079.133.329	

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 68.365.046.948 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 63.506.108.797 đồng)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm máy tính	
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	855.948.500	
Số dư cuối năm	855.948.500	
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	855.948.500	
Khấu hao trong năm	-	
Số dư cuối năm	855.948.500	
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	
Tại ngày cuối năm	-	

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 855.948.500 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 855.948.500 đồng).

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH thương mại xây dựng Quang Minh Anh	1.087.636.000	513.721.230
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiên Lên	2.772.474.947	2.785.933.225
Công ty Cổ phần Thép Tây Nam	1.317.748.359	5.475.430.990
Phải trả người bán khác	2.771.165.208	682.722.641
Cộng	7.949.024.514	9.457.808.086

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào quá hạn chưa thanh toán.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên thứ ba		
AAF (Wuhan) Co,Ltd	19.975.423.405	1.088.613.920
Howden	124.381.985	11.473.480.319
Siemens	28.279.312.265	11.984.810.576
Aarding Thermal Acoustics	13.972.251.524	1.116.852.975
Người mua trả tiền trước khác	8.399.638	249.999.999
Cộng	62.359.768.817	25.913.757.789

12. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	-	307.635.674	307.635.674	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.030.906.576	1.030.906.576	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	-	1.342.542.250	1.342.542.250	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế phải thu				
Thuế TNDN nộp thừa	187.481.338	-	-	187.481.338
Thuế thu nhập cá nhân	22.721.311	22.721.311	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	428.341.293	428.341.293	-	-
Cộng	638.543.942	451.062.604	-	187.481.338

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên thứ ba		
Trích trước chi phí vận chuyển	-	691.000.000
Cộng	-	691.000.000

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên thứ ba		
Kinh phí công đoàn	85.621.483	130.599.483
Bảo hiểm xã hội	-	11.027.500
Cổ tức phải trả	199.930.540	199.930.540
Phải trả về thu hộ thuế TNCN	168.992.637	85.408.626
Phải trả khác	211.848.000	99.747.315
Cộng	666.392.660	526.713.464

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	01/01/2022	Trong năm		31/12/2022
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND
Vay cá nhân (*)	-	59.233.685.174	(38.333.685.174)	20.900.000.000
Cộng	-	59.233.685.174	(38.333.685.174)	20.900.000.000

(*) Vay cá nhân bao gồm:

Vay theo các hợp đồng 07/HĐVV-TC ngày 25/04/2022, 10/HĐVV-TC ngày 01/07/2022, 12/HĐVV-TC ngày 12/07/2022, 08/HĐVV-TC ngày 13/05/2022, 09/HĐVV-TC ngày 13/05/2022, 13/HĐVV-TC ngày 04/08/2022, 14/HĐVV-TC ngày 10/08/2022 và 15/HĐVV-TC ngày 18/08/2022 với số dư gốc vay là 20,9 tỷ đồng, thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất 1%/tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Mục đích vay của các hợp đồng trên là để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	35.999.480.000	6.153.717.823	(16.053.553.267)	26.099.644.556
Lãi trong năm trước		-	608.744.577	608.744.577
Số dư cuối năm trước	35.999.480.000	6.153.717.823	(15.444.808.690)	26.708.389.133
Lãi trong năm nay		-	3.062.716.359	3.062.716.359
Số dư cuối năm nay	35.999.480.000	6.153.717.823	(12.382.092.331)	29.771.105.492

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco	9.360.000.000	26	9.360.000.000	26
Vốn góp của các đối tượng khác	26.639.480.000	74	26.639.480.000	74
Cộng	35.999.480.000	100	35.999.480.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	35.999.480.000	35.999.480.000
Vốn góp cuối năm	35.999.480.000	35.999.480.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.599.948	3.599.948
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.599.948	3.599.948
- Cổ phiếu phổ thông	3.599.948	3.599.948
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.599.948	3.599.948
- Cổ phiếu phổ thông	3.599.948	3.599.948

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2022		01/01/2022	
	Gốc ngoại tệ	VND	Gốc ngoại tệ	VND
Ngoại tệ các loại				
+ USD	18.626,28		13.708,90	
+ EUR	1.715,63		49.726,19	
+ AUD	2.300,31		2.317,47	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	180.038.580.092	65.296.416.919
Doanh thu thuần bán thành phẩm	179.940.023.437	65.025.046.424
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	98.556.655	271.370.495
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	158.039.618.680	55.400.821.667
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	80.246.932	74.827.918
Cộng	158.119.865.612	55.475.649.585
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.295.864	18.280.233
Lãi chênh lệch tỷ giá	222.466.836	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	908.915.000	649.225.000
Cộng	1.151.677.700	667.505.233
4. Chi phí tài chính	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	2.581.664.559	35.282.663
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	187.706.991
Cộng	2.581.664.559	222.989.654
5. Chi phí bán hàng	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	55.818.661	32.404.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.872.974.121	2.331.814.400
Chi phí bằng tiền khác	1.469.857.207	494.262.915
Cộng	6.398.649.989	2.858.481.747

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	8.507.425.827	2.745.967.835
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	145.193.226	66.054.145
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	-
Chi phí thuế, phí, lệ phí	1.463.247.869	556.781.697
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.183.101.043	710.247.638
Chi phí bằng tiền khác	1.213.062.640	3.403.366.364
Cộng	12.512.030.605	7.482.417.679

7. Thu nhập khác	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu thanh lý tài sản cố định	1.493.761.846	684.361.090
Cộng	1.493.761.846	684.361.090

8. Chi phí khác	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Phạt hành chính	9.092.514	-
Cộng	9.092.514	-

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.062.716.359	608.744.577
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm	(209.357.549)	197.206.991
- Các khoản điều chỉnh tăng	13.109.287	197.206.991
- Các khoản điều chỉnh giảm	222.466.836	-
Thu nhập chịu thuế	2.853.358.810	805.951.568
Lỗ được chuyển các năm trước	(2.853.358.810)	(805.951.568)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế các năm trước vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.062.716.359	608.744.577
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.062.716.359	608.744.577
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.599.948	3.599.948
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	851	169

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	153.367.114.391	39.582.845.937
Chi phí nhân công	38.341.157.340	17.308.442.835
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.163.550.118	1.505.911.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.090.277.062	6.923.135.556
Chi phí khác bằng tiền	7.068.349.725	5.542.449.824
Cộng	214.030.448.636	70.862.785.505

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vay theo kế ước thông thường	59.233.685.174	2.806.100.450
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Trả tiền nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(38.333.685.174)	(4.937.402.442)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**
Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.
- Số liệu so sánh**
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.
- Tài sản đảm bảo**
Công ty có cầm cố khoản tiền gửi có kỳ hạn cho ngân hàng BIDV để đảm bảo một phần cho hợp đồng hạn mức tín dụng năm 2022 và ký quỹ phát hành bảo lãnh ngân hàng vào ngày 31/12/2022 (Thuyết minh V.2). Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2021 và vào ngày 31/12/2022.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Thông tin về các bên liên quan

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong năm như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị		
Bà Vũ Thanh Phương Chủ tịch	-	-
Ông Nguyễn Thành Trung Thành viên	-	-
Ông Đỗ Hùng Anh Thành viên	-	-
Ông Bùi Quang Hải Thành viên	-	-
Ông Phạm Sơn Hà Thành viên	-	-
Thù lao của thành viên Ban kiểm soát		
Ông Nguyễn Văn Sơn Trưởng ban	-	-
Ông Đinh Văn Hạnh Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Thanh Liêm Thành viên	-	-
Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng và phúc lợi khác Ông Đỗ Hùng Anh	472.145.462	15.000.000
Những người quản lý khác		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	1.397.049.998	925.878.848

5. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty chủ yếu tập trung vào nhóm sản xuất thiết bị cơ khí, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại một số khu vực địa lý, nhưng không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Tổng Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm và đến nay lập báo cáo này không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Võ Thị Bích Ngọc

Ngày 27 tháng 02 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Long Châu

Tổng Giám đốc

Đỗ Hùng Anh



TP. Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 03 năm 2023



ĐỖ HÙNG ANH